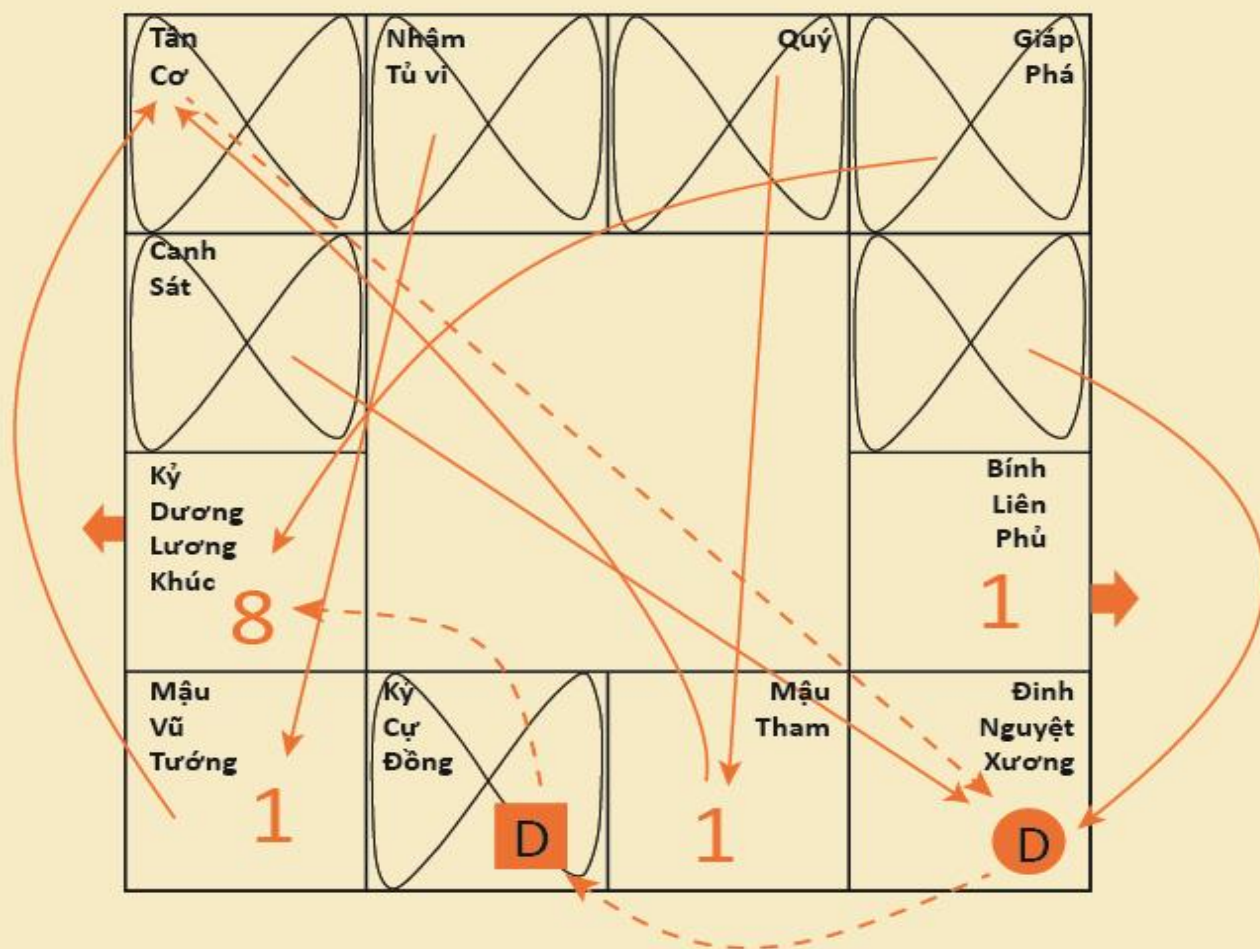


GIÁO TRÌNH PHI TINH LƯỜNG PHÁI

Lưu hành nội bộ



Giới thiệu về tác giả



Tác giả là người có hơn 20 năm kinh nghiệm nghiên cứu tử vi, hiện đã có nhiều bài viết nghiên cứu về tử vi trên facebook Alex Alpha được cộng đồng mệnh lý đón nhận và ủng hộ.

Từng công tác tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội 10 năm với công việc giảng viên môn Hóa hữu cơ.

Nhận học vị Tiến sĩ Hóa sinh tại Nhật Bản năm 2011.

Hiện đang là nhà nghiên cứu khoa học tại Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Sinh năm 1982

Nguyên quán: Yên Phong – Bắc Ninh

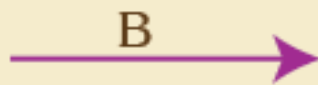
Các khóa học trên EDUMALL và UNICA:

1. **Khóa học tử vi dễ hiểu:** Đơn giản, dễ hiểu, đầy đủ, hệ thống và hữu dụng. Khóa học cung cấp những kiến thức khái quát và cơ bản, có liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực trong đời sống, một cách dễ hiểu nhất tới học viên. Kiến thức được cung cấp từ dễ đến khó một cách hệ thống, giúp học viên nhớ lâu và có cách nhìn toàn diện về môn học
2. **Khóa học tử vi dễ dùng:** Đơn giản và Hữu dụng với tinh thần: Chân lý là thực tế. Khóa học này nhấn mạnh việc thực hành giải số. Khóa học cung cấp cho học viên các cách cục căn bản nhất cũng như cách phân biệt cát hung của vận trình. Khóa học cung cấp những kiến thức dưới dạng công thức hóa, giúp người học có những trụ cột nương theo trong quá trình xem lá số thực tế. Sau khóa học, người học có thể giải mã được ít nhất 80% thông tin từ lá số.
3. **Khóa học tử vi luận cầu tài:** Khóa học này trình bày những quan điểm tiền tài dưới góc độ cân bằng âm dương ngũ hành. Đồng thời diễn giải những kiến thức kinh điển của người xưa về tài lộc, và đúc kết ra một công thức xem tài lộc kinh điển. Đối với người nghiên cứu tử vi chuyên sâu thì đây là một công trình chứa những kiến thức tinh hoa nhất về cầu tài. Từ những kiến thức nền tảng trong khóa học này, người xem tử vi có thể vươn tới những tầng cao hơn nữa của tử vi.
4. **Khóa học tử vi luận tình ái:** Khóa học này mượn hình tượng sao đào hoa để giải thích cho bạn về ái tình dưới con mắt ngũ hành. Những diễn giải này tuy đơn giản nhưng đủ cao rộng để bao trọn chuyện ái tình. Tương tác âm dương cũng được nhắc đến nhưng vì tương tác âm dương đóng vai trò tổng quát hơn, cho nên nếu bạn chưa có nền tảng mệnh lý bạn sẽ khó nhìn thấu tương tác âm dương. Nếu bạn đã có nền tảng mệnh lý, thì khóa học này sẽ cho bạn những đồng cảm sâu sắc
5. **Khóa học tử vi dễ thấy:** Đây là khóa học đặc biệt nhất trong những khóa học tử vi, bởi vì người không biết chút nào về tử vi cũng có thể sử dụng được. Đó là lý do tại sao tác giả lại đặt tên khóa học là Tử Vi Dễ Thấy. Khóa học lấy nền tảng Dịch lý tứ tượng làm cơ sở xây dựng hệ thống phương pháp, cho nên số lượng cách cục là 64 cách cục. 64 cách cục này bao hàm mọi lá số tử vi.



QUY ƯỚC CHUNG

Ký hiệu



Quy ước

Phi lộ

Phi quyền

Phi khoa

Phi kỹ

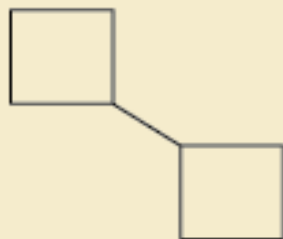
chuyển kỹ



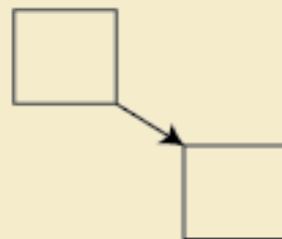
Mệnh hóa



Niên hóa



Xung



Lưu xuất



Tự hóa



Mục Lục

1.Lời nói đầu	4
2.Giới thiệu về hệ thống phi tinh Lương phái và hai đường Chuyển Ky.....	5
a.Lộc chuyển Ky:.....	5
b.Ky chuyển Ky:.....	6
3.Phương Viên Lộc Ky toàn đồ.....	7
4.Ba trụ cột của Tứ hóa phi tinh.....	7
5.Bảng thiên can tứ hóa	8
6.Ky chuyển Ky.....	8
7.Lộc chuyển Ky	10
8.Quyền chuyển Ky và Khoa chuyển Ky	12
9.Xuyến liên Thê Dụng.....	12
10.Luận gia đạo hưng suy	16
11.Yếu lĩnh luận mệnh.....	19
12.Xem hình dáng bề ngoài	20
13.Cung tính cách	23
14.Cung căn khí.....	26
15.Tượng Ky xuất.....	27
16.Xem cách cục tình cảm	28
17.Xuyến liên thủ pháp luận hôn nhân.....	30
18.Lộc Ky hợp tham đồng tinh diệu.....	32
19. Luận lục thân	34
20. Cách xem vận	35
PHỤ LỤC TƯỞNG Ý	37
1.Lộc quyền khoa Ky.....	37
2.18 tinh diệu.....	38
3.Hóa Lộc năm sinh (niên Lộc).....	38
4.Hóa Quyền năm sinh (niên Quyền)	40
5.Hóa Ky năm sinh (niên Ky)	44
6.Mệnh phi Ky (mệnh Ky).....	48
7.Tự hóa	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO	52



1. Lời nói đầu

Tử vi tứ hóa là đường thẳng, tử vi phi tinh là đường cong. Nếu như tứ hóa năm sinh là một chiếc xe đang đỗ, thì tứ hóa là chiếc xe đi thẳng còn phi tinh là máy bay. Nếu như tử vi nam phái có cung tý gặp cung ngọ qua tương xung, thì trong tử vi phi tinh các cung gặp nhau bằng phi hóa. Tứ hóa phái vẫn nặng về tương tác của phi hóa với cung, thì phi tinh xét tương tác của phi hóa với phi hóa, tương tác phi hóa với cung chỉ là trường hợp riêng khi chưa cần xét phi hóa của cung đó. Phi hóa như các cánh tay vươn dài của một cung, đại diện cho ảnh hưởng và ý chí của cung đó, và các cung gặp nhau khi phi hóa của chúng gặp nhau ở cùng một cung hoặc gặp nhau ở cùng một trục. Tứ hóa năm sinh thì tĩnh tại là cội nguồn cho mọi tự hóa và phi hóa trên lá số. Tự hóa tuy đã có chuyển động nhưng chuyển động vẫn giới hạn trong một trục. Phi hóa thì đã thoát khỏi sự giới hạn trục và có độ tự do cao nhất. Chính vì phi tinh đã phá vỡ không gian cứng nhắc của địa bàn cho nên luận phi tinh biến ảo khôn lường. Nó giống như hình bóng mối quan hệ nhân quả trong đời người mỗi chúng ta. Có đến, và có đi. Có nhiều và có ít. Có thể nhưng cũng nhiều khi không thể. Phi tinh Lương phái do lão sư Lương Nhược Du học từ lão sư Chu Thanh Hà và phát triển dựa trên nguyên lý Lộc tùy Kỵ tâu, sử dụng hai đường Chuyển Kỵ làm bảo vật trấn môn. Đường chuyển Kỵ giống như đường ray xe lửa vận chuyển những toa tàu. Đường chuyển Kỵ giống như đường cống ngầm đưa nước sạch cũng như nước thải đi khắp thành phố. Đường chuyển Kỵ kết nối các cung với nhau. Đường chuyển Kỵ tạo ra những nhóm cung tạo ra sự cộng hưởng của các yếu tố tương tự nhau. Người xem tử vi nhìn thấy mối quan hệ thực sự đang nằm dưới vẻ bề ngoài êm đềm của lá số. Nếu chỉ có phi Hóa từ cung A sang cung B thì chưa biết tâm tình phản ứng của cung B ra sao. Và nếu tứ hóa năm sinh tọa cung A thì cũng chưa biết cung A phản ứng với tứ hóa năm sinh này ra sao, cho nên cần phải xét chuyển Kỵ. Chuyển Kỵ là tiếng nói của cung nhận phi hóa. Chuyển Kỵ là tiếng nói của địa bàn. Chuyển Kỵ cho biết xu hướng và khuynh hướng chuyển động. Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ là hai hành trình sừng khổ trong cuộc đời. Nếu đi được một vòng, bạn sẽ quay lại điểm xuất phát ban đầu, nhưng khi đó tầm nhìn của bạn hoàn toàn thay đổi. Cuốn sách này có hai phần: phần đầu như phương pháp nấu ăn, phần hai là thực phẩm nguyên liệu. Hai thứ này cần có thêm bạn để món ăn được hoàn thành.

Kính chúc bạn vui vẻ và giữ vững niềm đam mê lý học trên con đường tiến hóa vĩ đại của nhân loại. Trước giúp được mình, sau giúp được người. Cũng như các cung trong Phi tinh gặp nhau qua phi hóa, chúng ta được gặp nhau qua cuốn sách này. Đó là duyên kỳ ngộ. Cuốn sách này đủ ý, nhưng có thể chưa đủ lời.

Hà Nội, tháng 4 năm 2019

Người viết

Alex Alpha

Email: chunhathuy@gmail.com



2. Giới thiệu về hệ thống phi tinh Lương phái và hai đường Chuyển Kỵ

Hệ thống Tử vi đầu số tứ hóa phi tinh Lương phái do thầy Lương Nhược Du học từ lão sư Chu Thanh Hà. Sau đó thầy Lương Nhược Du truyền cho thầy Trương Thế Hiền. Hiện nay, thầy Trương Thế Hiền là người mở lớp trực tiếp truyền thụ Tứ hóa Phi tinh ở Đài Loan. Như chúng ta đã biết, Tử Vi tạm chia Nam Bắc phái. Việt Nam chúng ta thuộc Nam phái với cách xem nặng về tính lý của tinh diệu. Bắc phái tứ hóa phi tinh phổ biến ở Hương Cảng và Đài Loan với quan điểm mệnh lý và thủ pháp rất khác biệt so với Nam phái. Tử vi đầu số Phi tinh do thầy Lương Nhược Du sáng lập và sau này gọi là Lương phái có tinh hoa nằm ở Chuyển Kỵ Phái, cụ thể là hai đường Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Nếu tóm gọn một câu về sự khác nhau của Tứ hóa và Phi tinh thì đó là câu: Tứ hóa là đường thẳng, Phi tinh là đường cong.

Như chúng ta đã biết có ba loại tứ hóa trong tử vi, đó là niên hóa (tứ hóa do can năm sinh tạo ra), tự hóa (tự hóa hướng tâm và li tâm) và phi hóa. Tử vi Nam phái chỉ dùng tứ hóa năm sinh. Còn cách xem của Tứ hóa phái (điền hình là Khâm Thiên Môn) đặt nặng lên Tự hóa hướng tâm và li tâm, như bạn nhìn trên hình vẽ (2.1) đó đều là đường thẳng. Số lượng các đường tự hóa trên mỗi lá số tử vi là khác nhau. Tương tác giữa chúng cũng không giống nhau. Cùng thêm với tính lý của tinh diệu sẽ tạo ra vô số tượng ý khác nhau và dự đoán cụ thể cũng sẽ khác nhau. Thế nhưng do nguyên tắc của tự hóa, không phải lá số nào cũng có tự hóa, có lá số có nhiều, có lá số có ít. Nói cách khác, không phải cung nào cũng có đủ Lộc Quyền Khoa Kỵ bởi vì đơn giản là nếu cung đó không có sao nào có khả năng Hóa Kỵ thì cung đó không thể có Hóa Kỵ. Thế nhưng cung nào cũng có can cung, và cung nào cũng có thể phi Hóa Lộc Quyền Khoa Kỵ sang cung khác. Những đường phi hóa đó là những đường cong. Đường thẳng tự hóa chỉ là trường hợp riêng của đường cong phi hóa mà thôi. Tự hóa là cung đó phi hóa lên chính trục của nó. Nếu phi hóa sang đối cung thì đó là tự hóa hướng tâm. Nếu phi hóa về chính cung đó thì chính là tự hóa li tâm. Tự hóa trong phi tinh Lương phái đều coi là hóa xuất mà sau này bạn sẽ được tìm hiểu kỹ hơn.

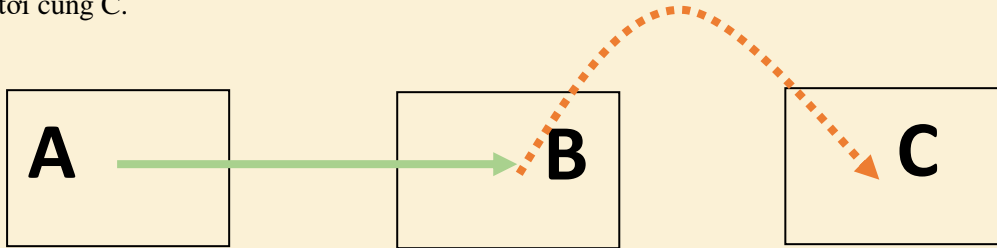
Lương phái xây dựng trên hai đường Chuyển Kỵ đó là Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Ví dụ cung A phi hóa Lộc nhập cung B, cung B phi hóa Kỵ nhập cung C, khi đó Lương phái gọi là A hóa Lộc B và B chuyển Kỵ sang C. Dựa vào hai đường Chuyển Kỵ này Lương phái liên kết các cung trong lá số, từ đó tìm ra mối quan hệ giữa các cung là tốt hay xấu, mức độ tốt xấu là cao hay thấp, kết hợp với tính lý tinh diệu mà rút ra dự đoán chính xác. Sư tổ Chu Thanh Hà của Lương phái cũng như thầy Lương Nhược Du đều là những người nổi tiếng giang hồ mệnh lý về dự đoán chính xác, tỉ mỉ, và quan trọng hơn là nắm rõ được Duyên khởi từ đâu, Duyên diệt khi nào. Hai đường Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ cho biết khuynh hướng và mức độ của sự tình, cho biết dòng chảy Lộc Kỵ này rót cuộc đi về đâu.

1. Lộc chuyển Kỵ:

- Cung A hóa Lộc nhập cung B (ta giỏi kiếm tiền)
- Cung B chuyển Kỵ nhập cung C (tiền tích lũy thành gia sản)
- Cung A hóa Lộc nhập cung C thông qua cung B (ta tích lũy được gia sản nhờ giỏi làm ăn)



Ví dụ cung mệnh hóa Lộc nhập cung Tài và cung Tài hóa Kỵ nhập cung Điền, thì khi đó có thể luận là người đó kiếm tiền (Tài Bạch) giỏi, và tích lũy (chuyên Kỵ) được gia sản (Điền trạch). Chuyên Kỵ ở đây tuy bản chất là Hóa Kỵ nhưng không có ý nghĩa giống như Hóa Kỵ. Chuyên Kỵ ở đây là chuyển tiếp Hóa Lộc tại B sang tiếp cung C, cho nên giống như Hóa Lộc do A tạo ra ở B được B chuyển tiếp sang C. Hóa Lộc như chiếc xe ô tô được A giao cho B, tại B chiếc xe đó được chuyển thành tiền mặt và tiền mặt đó đi tới cung C.



Chuyên Kỵ là phản ứng của cung B đối với Hóa Lộc từ cung A chuyển sang. Cung B có can cung B và có bốn khả năng phi hóa hay nói cách khác là bốn loại tâm tình phản ứng với hóa Lộc do cung A tạo ra.

Khi nói cung A hóa Lộc nhập cung B là bất kể tâm tình phản ứng của cung B, không biết cung B phản ứng ra sao. Khi nói cung A hóa Lộc nhập cung B chuyển Kỵ cung C thì kết quả cuối cùng Hóa Lộc tọa tại cung C đã được bao gồm tâm tình của cung B (chính là Chuyên Kỵ).

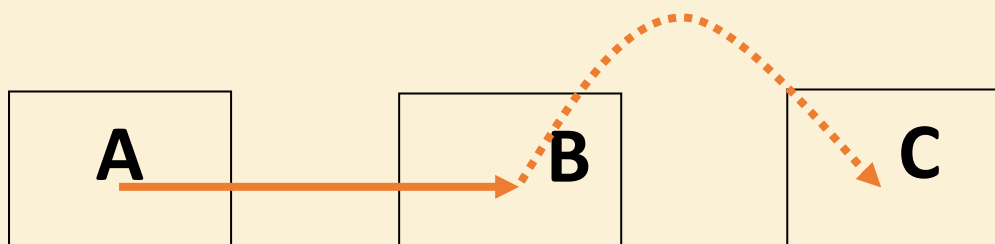
Nói cách khác, Lộc từ cung A chảy xuyên qua B tới C. Nói cách khác ba cung A B C có mối quan hệ chuỗi đó là Hóa Lộc. Hóa Lộc giống như danh từ, còn khi Chuyên Kỵ đã là động từ. Hóa Lộc giống như tài sản hữu hình, Chuyên Kỵ giống như tiền mặt. Tiền mặt có thể đi khắp các ngân hàng, ô tô chỉ có thể chạy ngoài đường.

2. Kỵ chuyển Kỵ:

Là khi cung A hóa Kỵ nhập cung B, cung B hóa Kỵ nhập cung C. Khi đó tượng ý sẽ là cung A hóa Lộc nhập cung B chuyển Kỵ cung C. Tương tự như diễn giải ở trên về Hóa Lộc, ở đây là Hóa Kỵ. Ví dụ cung Mệnh Hóa Kỵ nhập cung Tài và chuyển Kỵ nhập cung Điền, có nghĩa là ta quan tâm để ý (Hóa Kỵ) kiếm tiền (Tài Bạch) sau đó tích lũy (chuyên Kỵ) vào gia sản (cung Điền Trạch).

Tượng ý có thể phân tích thành như sau:

- Cung A hóa Kỵ nhập cung B (ta ham kiếm tiền)
- Cung B chuyển Kỵ nhập cung C (tiền tích lũy thành gia sản)
- Cung A hóa Kỵ nhập cung C thông qua cung B (ta tích lũy được gia sản nhờ chịu khó kiếm tiền).



Tượng ý Ky chuyển Ky này có nghĩa là ba cung A B C (ở đây là Mệnh Tài và Điền) có mối liên hệ với nhau, và mối liên hệ đó là Ky.

Tượng ý này cũng là kiếm tiền và tích lũy gia sản, nhưng Ky chuyển Ky ở đây là câu chuyện kiếm tiền khó nhọc hơn, có được gia sản nhờ cần kiệm tích lũy. Còn Lộc chuyển Ky phía trên là ta kiếm tiền rất giỏi và rất dễ, sau đó ta không phung phí mà tích lũy được.

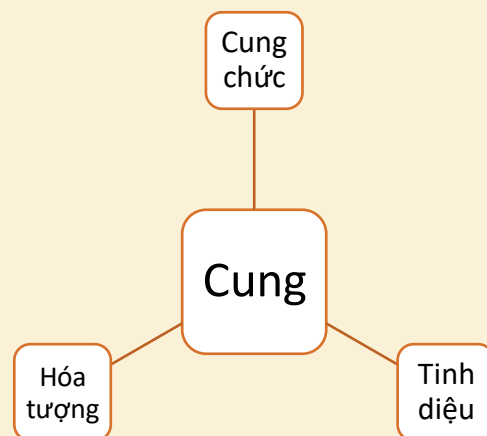
3. Phương Viên Lộc Ky toàn đồ

Ý nghĩa và chú giải 6 đồ hình Phương Viên Lộc Ky toàn đồ

(Phiên bản nội bộ)

4. Ba trụ cột của Tứ hóa phi tinh

Ba trụ cột của Tứ hóa phi tinh đó là: Cung chức, tinh diệu và hóa tượng. Gọi tắt là Cung Tinh và Tượng. Cung có nghĩa là cung tỵ sừ dần mao thìn tị ngộ mùi thân dậu tuất hợi cố định trên lá số. Chức là chức năng của cung đó. Cung đó có chức năng phụ mẫu phu thê hay tử tức v.v... Giống như người đàn ông có thể vừa là cha đối với con mình, vừa là con đối với cha mình, vừa là chồng đối với vợ mình. Tinh diệu là 18 sao bao gồm 14 chính tinh và 4 sao Tả Phụ Hữu Bật Văn Xương Văn Khúc. Hóa Tượng có nghĩa là Lộc Quyền Khoa Ky. Tất cả các phái đều dựa trên ba trụ cột này để diễn hóa suy luận. Thiếu một trụ cột đều không thể luận chính xác. Cho dù bạn học Phi tinh từ thầy nào và theo đại phái nào thì cũng phải nắm vững Cung Tinh và Tượng. Nói như vậy để bạn hình dung ra trọng tâm học tập Tử vi đầu số Phi tinh là gì. Nói như vậy cũng để bạn hiểu rằng trụ cột chỉ có ba trụ cột mà thôi, đừng quá hoang sợ khi mới học và đừng hoang mang lo lắng không cần thiết cho các thông tin khác trong khi ba trụ cột này vẫn chưa vững.



Phi tinh Lương phái xây dựng trên hai Đường Chuyển Ky. Đường Chuyển Ky cho ta biết mối liên hệ

giữa cung và cung. Nói cách khác, nó bao hàm Cung chức và Hóa tượng trong đó. Sau khi nắm vững đường Chuyển Ky bạn chỉ cần nắm vững tính lý tinh diệu là bạn hoàn toàn có thể luận đoán tự tin chính xác. Toàn bộ Độc Môn Tâm pháp của Lương phái chỉ nói về đường Chuyển Ky này thôi. Nếu bạn có đọc Tứ hóa Khâm Thiên Bí nghị. Cách xem của Khâm Thiên rất coi trọng tự hóa và tính lý tinh diệu. Một



tinh diệu được phân tích cặn kẽ về âm dương về ngũ hành về hóa khí là tài (như Vũ Khúc) hóa khí là ám (như Cự Môn). Thiếu tính lý tinh diệu, Khâm Thiên Bí Nghi dù cao siêu đến đâu cũng không thể luận đoán được tử vi. Và chẳng những Khâm Thiên mà bất cứ phái nào cũng vậy.

Do mối quan hệ giữa cung chức với cung chức bằng hóa tượng (Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Lộc) là có hạn và có quy luật có thể công thức hóa được, cho nên chúng ta cần nắm vững trước. Sau khi đã xét đoán kỹ lưỡng Cung chức và Hóa tượng, chúng ta mới xét đến Tinh diệu. Tính lý của Tinh diệu đa dạng phong phú linh hoạt và không có công thức cố định. Sau khi thành thạo Chuyển Kỵ và Xuyên Liên thủ pháp, việc kết hợp tính lý tinh diệu để luận đoán hoàn toàn do tài năng kinh nghiệm và sự ứng biến của bạn.

5. Bảng thiên can tứ hóa

Phi tinh Lương phái sử dụng bảng tứ hóa phi tinh giống như sách Tử vi Đẩu số Tân biên của Vân Đẳng Thái Thứ Lang. Giáo trình này được biên soạn theo quan điểm cá nhân của người viết, đó là với can Canh Thái Dương hóa Lộc Vũ Khúc hóa Quyền Thiên Đồng hóa Khoa và Thái Âm hóa Kỵ. Bạn đọc lưu ý sự khác biệt và bạn đọc có thể tự áp dụng theo các tính tứ hóa của riêng mình.

	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Hóa Lộc	Liêm Trinh	Thiên Cơ	Thiên Đồng	Thái Âm	Tham Lang	Vũ Khúc	Thái Dương	Cự Môn	Thiên Lương	Phá Quân
Hóa Quyền	Phá Quân	Thiên Lương	Thiên Cơ	Thiên Đồng	Thái Âm	Tham Lang	Vũ Khúc	Thái Dương	Tử Vi	Cự Môn
Hóa Khoa	Vũ Khúc	Tử Vi	Văn Xương	Thiên Cơ	Hữu Bát	Thiên Lương	Thiên Đồng	Văn Khúc	Tả Phù	Thái Âm
Hóa Kỵ	Thái Dương	Thái Âm	Liêm Trinh	Cự Môn	Thiên Cơ	Văn Khúc	Thái Âm	Văn Xương	Vũ Khúc	Tham Lang

6. Kỵ chuyển Kỵ

Đường Kỵ chuyển Kỵ cho biết sự kết nối các cung chức bằng mối quan hệ kiểu Kỵ. Thông thường mối quan hệ này thường được coi là xấu. Số lượng Kỵ xuyên liên (kết nối) các cung thể hiện mức độ xấu và bất ổn của mối quan hệ này. Trước hết chúng ta cần nắm vững nguyên tắc Kỵ chuyển Kỵ và nguyên tắc dùng Kỵ chuyển Kỵ. Kỵ chuyển Kỵ xảy ra khi năng lượng Kỵ tràn đầy. Năng lượng Kỵ đó của năm sinh, của mệnh cung, và của số đông (trường hợp Truy Kỵ).

Truy Kỵ là trường hợp có cung phi Hóa Kỵ đuổi theo và gặp nhóm cung ta đang xét. Ví dụ ta đang xét nhóm cung A B C trong đó cung A hóa Kỵ nhập cung B và cung B chuyển Kỵ nhập cung C, thì có một cung D nào đó hóa Kỵ nhập cung C. Khi đó là cung D Truy Kỵ tới cung C, và cung C có thể tiếp tục chuyển Kỵ sang một cung khác. Truy Kỵ chỉ cần đồng cung là cung C (cung vừa nhận chuyển Kỵ từ



cung B). Nhưng Truy Lộc Truy Quyền từ cung D tới cung C cần cùng tinh diệu với tinh diệu vừa nhận chuyển Kỵ tại cung C thì mới có thể tiếp tục chuyển Kỵ.

Nguyên tắc Kỵ chuyển Kỵ như sau:

- Hóa Kỵ năm sinh đương nhiên chuyển Kỵ
- Hóa Kỵ cung mệnh đương nhiên chuyển Kỵ
- Truy Kỵ (không cần cùng tinh diệu) đương nhiên chuyển Kỵ

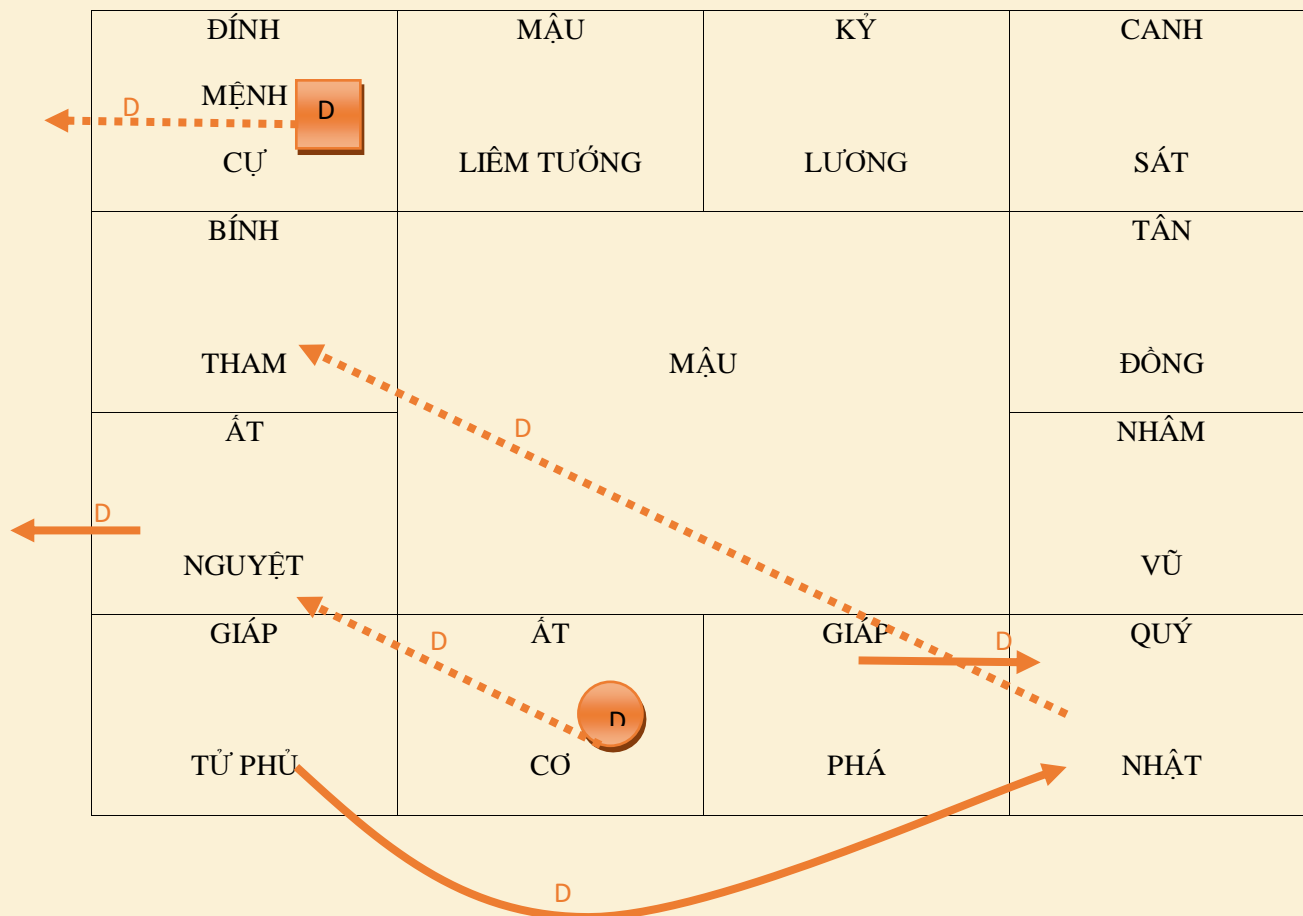
Hóa Kỵ năm sinh là quyền của thái tuế đương nhiên tiếp tục chuyển Kỵ. Ví dụ Hóa Kỵ năm sinh tọa cung A can Bính, như vậy Hóa Kỵ năm sinh tiếp tục chuyển Kỵ đến cung có sao Liêm Trinh (Bính hóa Kỵ tại Liêm Trinh). Tương tự như vậy mệnh Kỵ (hóa Kỵ xuất từ cung an mệnh) là quyền của Chủ quyền của Cục (tức cung Mệnh là lập cục của toàn lá số, cung Mệnh là lí do 11 cung chức còn lại tồn tại), cho nên mệnh Kỵ đương nhiên chuyển Kỵ. Truy Kỵ là trường hợp hai cung cùng hóa Kỵ vào một cung, cung đó nhận năng lượng Hóa Kỵ từ hai cung nên tràn đầy và sẽ tiếp tục chuyển Kỵ tới cung khác. Giống như hai cốc nước cùng đổ vào một cốc khác có cùng dung tích thì đương nhiên sẽ tràn nước ra ngoài.

Nguyên tắc dừng Kỵ chuyển Kỵ như sau:

- Cung vừa được chuyển Kỵ lại tự hóa Kỵ xuất
- Chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luân quần
- Không có cung Truy Kỵ

Chuyển Kỵ dừng lại khi không thể tiếp tục chuyển nữa. Cung tự Hóa Kỵ xuất là cung đó tự phi Kỵ vào chính nó đương nhiên đứng im tại chỗ. Chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luân quần ví dụ cung A chuyển Kỵ sang B, cung B lại chuyển Kỵ về A, có chuyển nữa cũng trong vòng lặp đó mãi mãi không ra khỏi. Không có cung Truy Kỵ là trường hợp dừng chuyển Kỵ khi hết năng lượng. Tại cung vừa được chuyển Kỵ tới không có năng lượng để đi tiếp thì đương nhiên dừng chuyển Kỵ.





7.Lộchuyển Kỵ

Đường Lộchuyển Kỵ cho biết sự kết nối các cung chức bằng mối quan hệ kiểu Lộch. Thông thường mối quan hệ này thường được coi là tốt. Số lượng Lộch xuyên liên (kết nối) các cung thể hiện mức độ tốt của mối quan hệ này. Trước hết chúng ta cần nắm vững nguyên tắc Lộch chuyển Kỵ và nguyên tắc dừng Lộch chuyển Kỵ. Lộch chuyển Kỵ xảy ra khi năng lượng Lộch tràn đầy. Năng lượng Lộch đó của năm sinh, của mệnh cung, của Tự hóa Lộch và của số đông (trường hợp Truy Lộch cùng tinh diệu).

Nguyên tắc Lộch chuyển Kỵ như sau:

- Hóa Lộch năm sinh đương nhiên chuyển Kỵ
- Hóa Lộch cung mệnh đương nhiên chuyển Kỵ
- Tự hóa Lộch đương nhiên chuyển Kỵ
- Truy Lộch (nhất thiết phải cùng tinh diệu) đương nhiên chuyển Kỵ

Hóa Lộch năm sinh là quyền của thái tuế đương nhiên tiếp tục chuyển Kỵ. Ví dụ Hóa Lộch năm sinh tọa cung A can Bính, như vậy Hóa Lộch năm sinh tiếp tục chuyển Kỵ đến cung có sao Liêm Trinh (Bính hóa Kỵ tại Liêm Trinh). Tương tự như vậy mệnh Lộch (hóa Lộch xuất từ cung an mệnh) là quyền của Chủ (tức cung Mệnh là lập cực (Chủ) của toàn lá số, cung Mệnh là lí do 11 cung chức còn lại tồn tại), cho nên mệnh Lộch đương nhiên chuyển Kỵ. Tự Hóa Lộch là cung đó tự phi Lộch về chính nó, Hóa Lộch này là phi

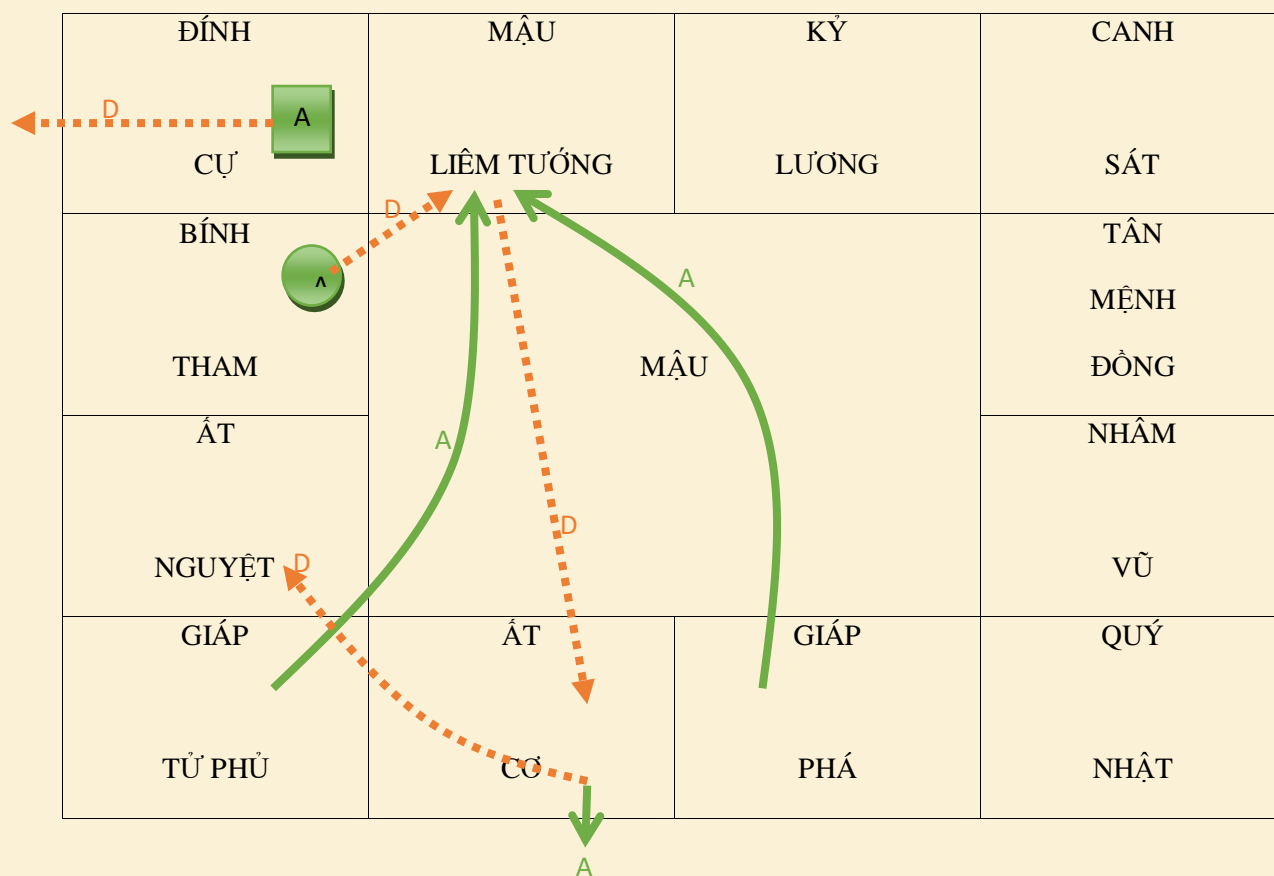


Lộc đặc biệt và được coi như nguồn Lộc hiện hữu. Nếu niên Lộc là kho tiền quốc gia thì Tự hóa Lộc có thể coi là kho tiền địa phương. Truy Lộc là trường hợp hai cung cùng hóa Lộc vào một tinh diệu, tinh diệu đó nhận năng lượng Hóa Lộc từ hai cung nên tràn đầy và sẽ tiếp tục chuyển Kỵ tới cung khác. Giống như hai cốc nước cùng đổ vào một cốc khác có cùng dung tích thì đương nhiên sẽ tràn nước ra ngoài. Chuyển Kỵ ở đây là dòng chảy là hướng đi của Hóa Lộc.

Nguyên tắc dừng Lộc chuyển Kỵ như sau:

- Cung vừa được chuyển Kỵ lại tự hóa Kỵ xuất
- Lộc chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luân quần
- Không có cung Truy Lộc cùng tinh diệu

Lộc chuyển Kỵ dừng lại khi không thể tiếp tục chuyển nữa. Cung tự Hóa Kỵ xuất là cung đó tự phi Kỵ vào chính nó đương nhiên đứng im tại chỗ. Chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luân quần ví dụ cung A chuyển Kỵ sang B, cung B lại chuyển Kỵ về A, có chuyển nữa thì Lộc cũng trong vòng lặp đó mãi mãi không ra khỏi. Không có cung Truy Lộc cùng tinh diệu là trường hợp dừng chuyển Kỵ khi hết năng lượng. Tại cung vừa được Lộc chuyển Kỵ tới không có năng lượng để đi tiếp thì đương nhiên dừng chuyển Kỵ. Khác với Truy Kỵ, Truy Lộc nhất định phải cùng tinh diệu mới có thể tiếp tục chuyển Kỵ.



8. Quyền chuyển Kỵ và Khoa chuyển Kỵ

Có Kỵ chuyển Kỵ, có Lộc chuyển Kỵ thì cũng có Quyền chuyển Kỵ. Nhưng Quyền không thể độc lập chuyển Kỵ mà Quyền phải bám theo đường Lộc chuyển Kỵ mà đi. Cho nên nếu gọi chính xác là Truy Quyền chuyển Kỵ chứ không có Quyền chuyển Kỵ độc lập. Nói cách khác, sau khi xây dựng đường Lộc chuyển Kỵ xong thì xét tất cả Truy Quyền đi cùng thì đó là đường Quyền chuyển Kỵ. Khi mới học thì chỉ cần xét hai đường Kỵ chuyển Kỵ và Lộc chuyển Kỵ là đủ. Đường Quyền chuyển Kỵ làm rõ nét hơn cho đường Lộc chuyển Kỵ mà thôi. Quyền và Khoa trong tứ hóa tượng đứng hàng nhân, trong khi Lộc đứng hàng thiên còn Kỵ đứng hàng địa. Lộc Kỵ có tư cách quyết định đại cục, khi đại cục đã định thì Quyền và Khoa là lực lượng củng cố. Nói cách khác Lộc Kỵ quyết định chất, còn Quyền Khoa quyết định lượng. Lộc Kỵ cho biết đẹp hay xấu, Quyền Khoa sẽ cho biết nhiều hay ít, đẹp nhiều hay đẹp ít, xấu nhiều hay xấu ít. Xét về tính cách con người thì Quyền cho biết nghị lực vươn lên, Khoa cho biết lý trí sáng suốt. Nếu nhiều Lộc thì tuy may mắn lạc quan nhưng phù phiếm không bền, cần có Quyền củng cố mới kiên định tiến hành và phát triển vượt qua sóng gió khó khăn. Lộc Quyền chủ khởi phát và lớn mạnh, nhưng Quyền không phải khởi nguyên cho nên phải bám theo đường Lộc chuyển Kỵ mà đi. Khoa Kỵ chủ thể thu tàng, cho nên không có đường Khoa chuyển Kỵ.

9. Xuyên liên Thể Dụng

Bất cứ cung nào cũng có khả năng phát động phi hóa, nhưng không phải lúc nào cũng có quyền phát động phi hóa. Giống như cá nhân chúng ta trong biển người đều có thể phát ngôn, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng nắm được micro phát ngôn cho cả biển người nghe. Quyền phát ngôn đó thuộc về Thái Tuế, quyền phát ngôn đó thuộc về Mệnh cung, và quyền phát ngôn đó thuộc về những cung được lựa chọn làm Thể Dụng. Đại vận và lưu niên thái tuế nắm thời lệnh, cho nên cũng có quyền phát ngôn, và khi người nắm lệnh phát ngôn, không ai có thể ngó lơ. Bất cứ cung nào cũng có thể được lựa chọn làm Thể Dụng, giống như phép chọn dụng thần của bốc dịch, cho nên bạn cần hiểu Thể Dụng là linh hoạt. Những công thức Thể Dụng giới thiệu trong sách này là cơ bản, và bạn hoàn toàn có thể lựa chọn bộ Thể Dụng của riêng mình nếu thấy đúng và hợp lý.

Đầu tiên cần nắm vững cung Thể và cung Dụng là gì. Cung Thể là một cung hoặc nhiều cung trực tiếp cho biết vấn đề ta cần xét, ví dụ xét gia đạo thì cung Điền là cung Thể. Cung Dụng là những cung có liên quan trực tiếp tới vấn đề ta xét. Ví dụ cung mệnh cung phúc cung di là ba cung liên quan trực tiếp tới vấn đề gia đạo ta xét. Cho nên những cung có tính chất giống nhau được dùng là nhóm cung có cùng chức năng, chức năng Thể hoặc Dụng. Việc phân thể dụng cũng như phân ra âm dương, như phân ra tay trái và tay phải, hai tay vỗ vào nhau mới thành tiếng. Khi thể va chạm tương tác với dụng thì mới xảy ra sự kiện. Cảnh sát gặp tội phạm mới xảy ra sự kiện bắt bớ giam cầm nghiêm trọng. Cảnh sát gặp cảnh sát là cùng phe, không xảy ra sự kiện bắt bớ giam cầm. Sau này khi xem vận, bạn phải đặc biệt lưu ý điều này. Như xem tính cách, cần xuyên liên ba cung là mệnh phúc và tật. Ba cung này là một phe, cho dù coi



đó là Thể hay Dụng. Bởi vì ba cung này có mối quan hệ nhất lục cộng tông. Mệnh là 1 thì tật là 6, tật là 1 thì phúc là 6. Cho nên ba cung này cùng tông, có thể xếp chung với nhau. Khi đó Tật và Phúc làm rõ nghĩa cho mệnh. Và xuyên liên ba cung để đoán định đương nhiên đầy đủ và chính xác hơn chỉ xem một cung bất kỳ trong ba cung đó. Giống như ta có ba góc nhìn về một vật thể, ta có ba thông tin về một sự kiện, đương nhiên sự xét đoán sẽ đầy đủ và chính xác hơn.

Ta hiểu ở đây có thể tìm mối liên hệ giữa các cung Thể, coi nó là nhóm cung Thể. Hoặc có thể tìm mối liên hệ giữa các cung Dụng, coi nó là nhóm cung Dụng. Nhưng các nhóm đó chưa tạo ra sự kiện. Sự kiện được xảy ra khi có sự va chạm tương tác giữa cung Thể và cung Dụng. Xuyên liên Thể Dụng là đi tìm mối liên hệ giữa cung Thể và cung Dụng bằng hai đường Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Nếu có nhiều cung Thể, hoặc nhiều cung Dụng, ta vẫn cứ xét tương tác đôi một giữa hai cung Thể Dụng. Sau đó kết nối tất cả các tương tác đôi một nói trên thành bức tranh chung để đánh giá.

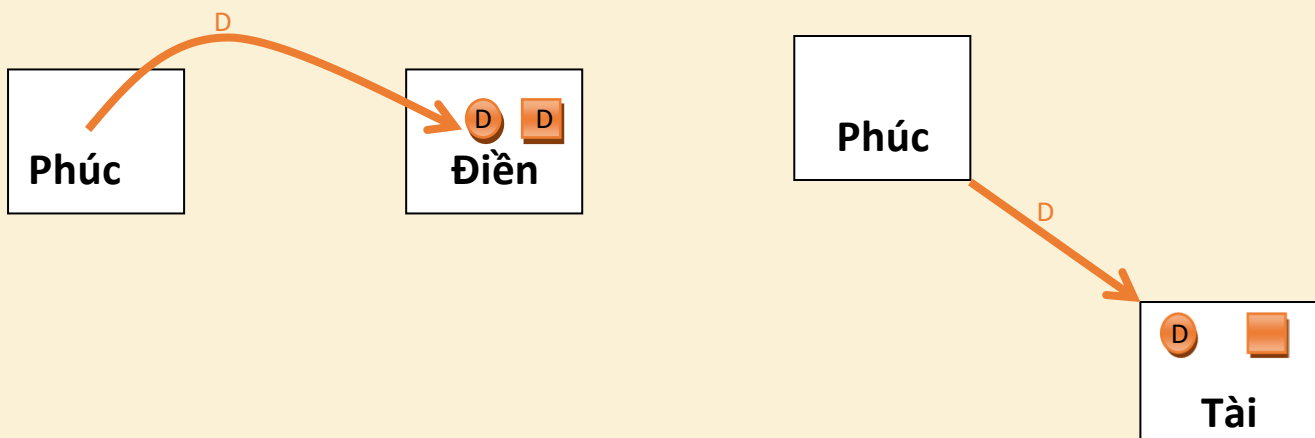
Số lượng Lộc hay Kỵ trong xuyên liên thể dụng cho ta biết cường độ tốt xấu của các liên kết đó.

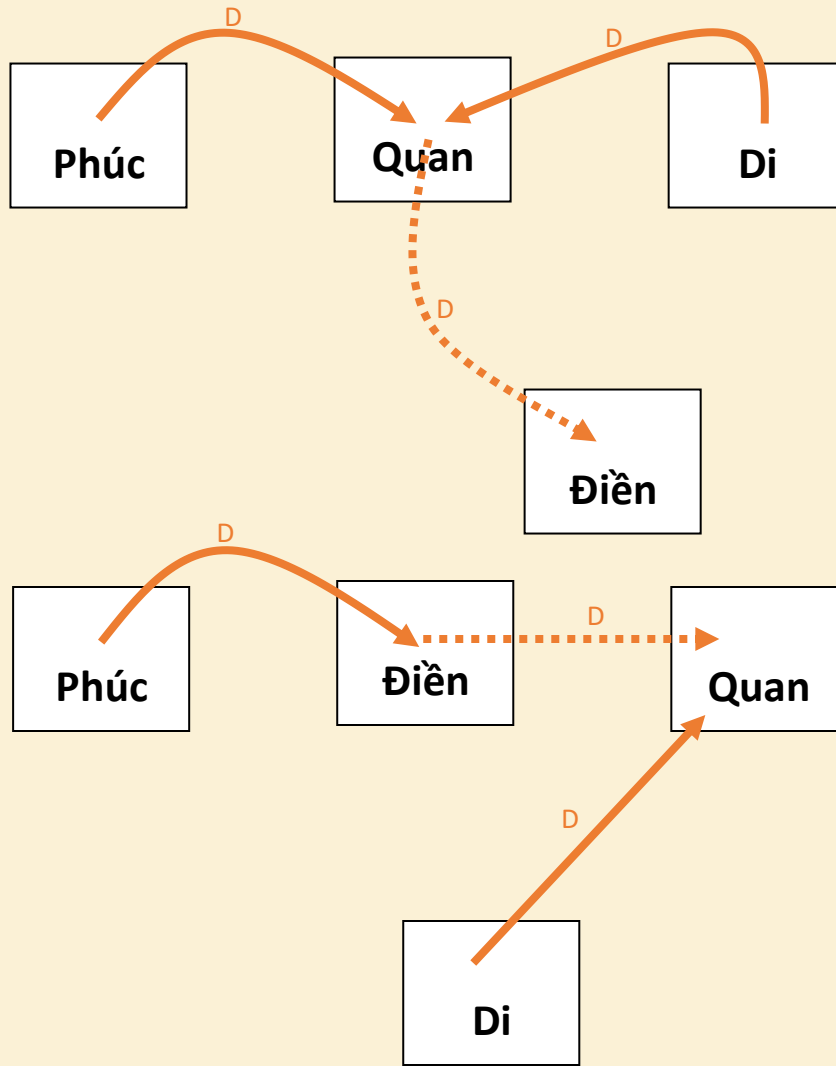
Xuyên liên thể dụng cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Dụng quy về Thể
- Dụng bất ly Thể
- Dụng xung phá Thể

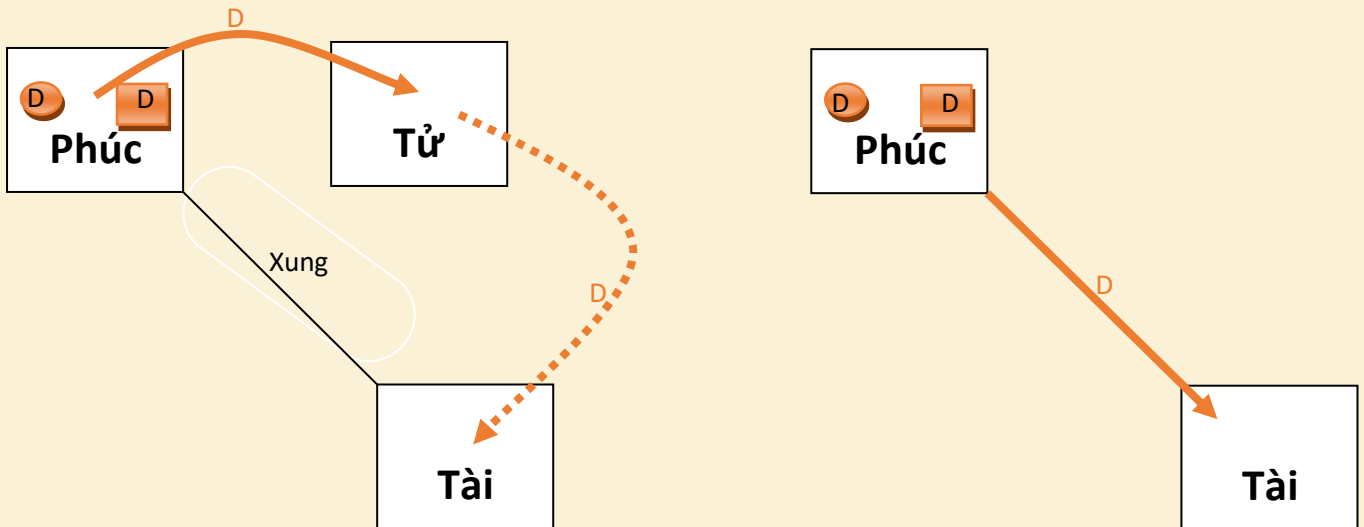
Nói tóm lại làm sao cho Dụng gặp được Thể. Trong nam phái ta có cung tý xung cung Ngọ, khi đó cung tý gặp cung Ngọ bằng mối quan hệ tương xung. Tương tự như vậy cung tý gặp cung Sửu bằng mối quan hệ nhị hợp. Cung tý gặp cung Thìn bằng mối quan hệ tam hợp. Nhưng trong tứ hóa phi tinh, các cung có thể gặp nhau bằng Lộc hoặc Kỵ. Ví dụ một cung A hóa Kỵ nhập cung B là cung A gặp cung B bằng mối quan hệ Kỵ. Cung A hóa Kỵ nhập cung B sau đó chuyển Kỵ sang cung C là cung A gặp cung C bằng mối quan hệ Kỵ. Cung A hóa Kỵ nhập cung B, cung C cũng hóa Kỵ nhập cung B, khi đó cung A gặp cung C tại cung B bằng mối quan hệ Kỵ. Cứ như vậy cung Dụng có các cách gặp cung Thể nhìn qua công cụ Kỵ sẽ có những trường hợp như sau (xem ví dụ cụ thể trên hình vẽ tương ứng):

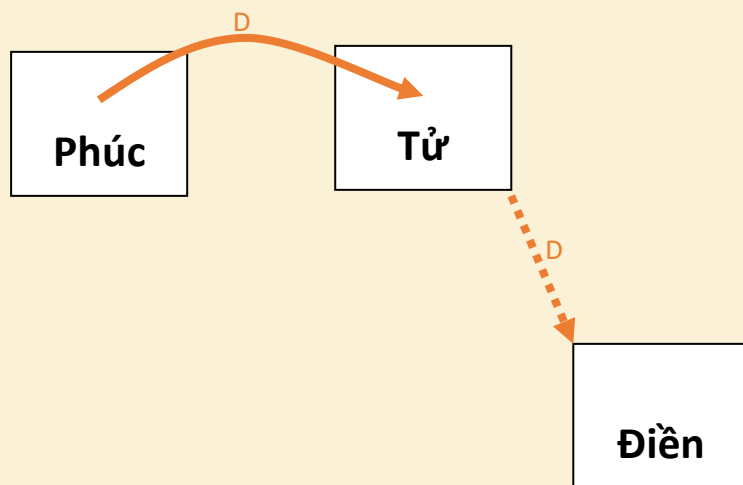
-Đồng cung tương bách (bách trong từ bức bách nghĩa là chèn ép nhau)



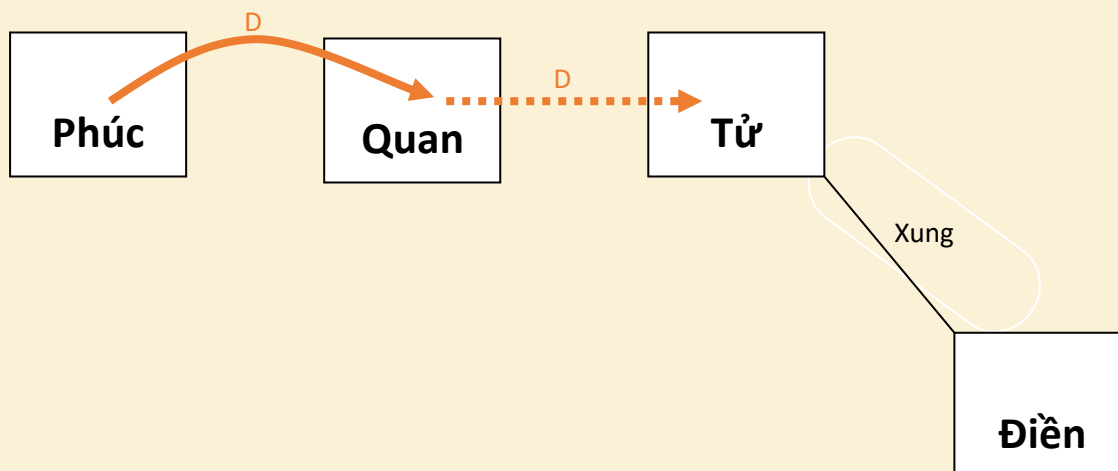
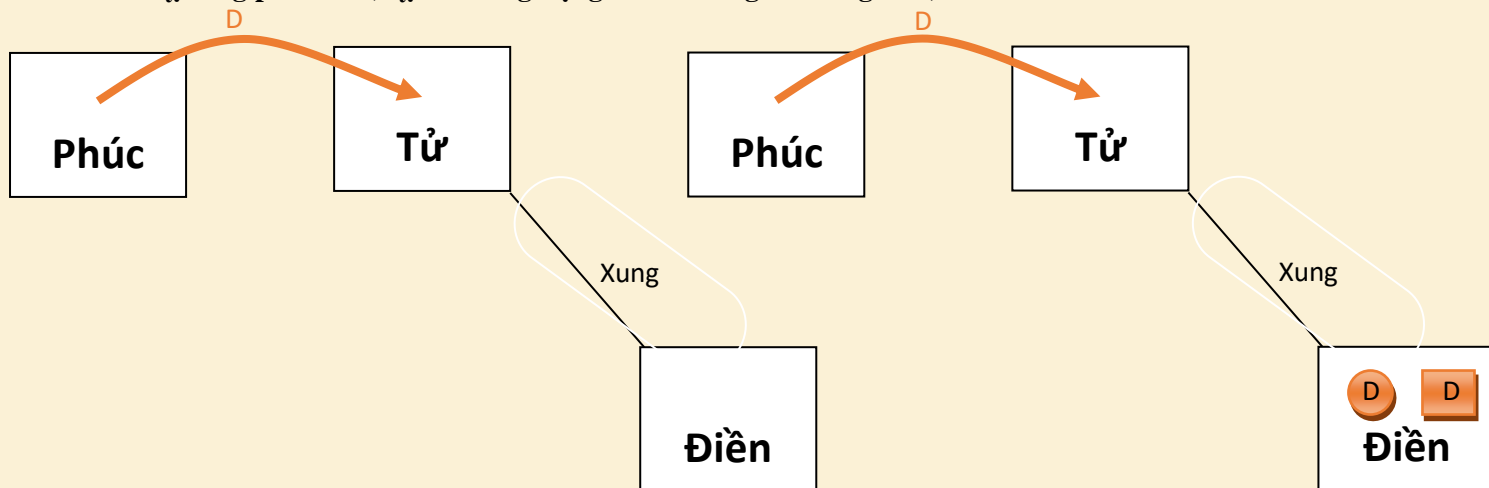


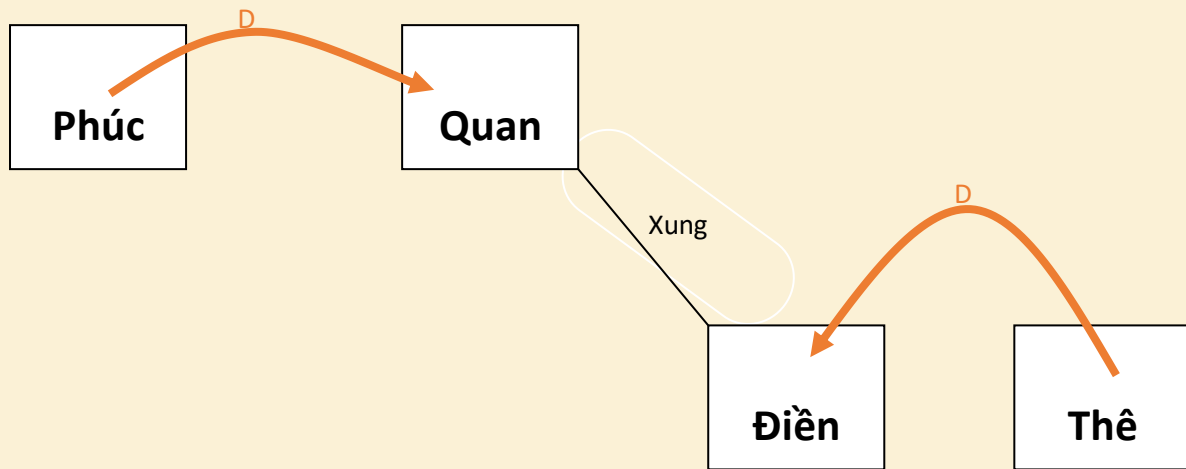
-Lưỡng đầu kiến Kỵ (hai cung xung nhau đều có Kỵ)





-Kỵ xung phá Thể (Kỵ của cung dụng tới đối cung với cung Thể)





Sau khi xuyên liên được cung Dụng và cung Thê bằng Ký hoặc Lộc, cần đếm số lượng Ký hoặc Lộc trong xuyên liên này. Có bao nhiêu Ký, có bao nhiêu Lộc đi xuyên qua các cung này. Số lượng Ký hay Lộc thể hiện cường độ xấu tốt của xuyên liên.

Cách đếm số lượng Ký trong xuyên liên (cách đếm số lượng Lộc là tương tự):

- Số lượng Ký trong một trục được tính bằng cộng gộp hai đầu, ví dụ đầu tý có 3 Ký, đầu ngọ có 2 Ký thì coi như trục tý ngọ có 5 Ký, và coi như đầu tý có 5 Ký và đầu Ký cũng có 5 Ký. Ta hiểu là Ký ở bất cứ đầu nào trong trục cũng có thể ảnh hưởng trong toàn trục.
- Không tính Tự hóa Ký xuất vào số lượng Ký trong xuyên liên, nhưng khi luận thì lưu ý luận tượng Ký xuất. Tượng Ký xuất là gì thì xem cụ thể trong phần Ký xuất.
- Lưu xuất Ký trong các trục được cộng vào số lượng Ký trong xuyên liên. Ví dụ cung tý tọa 3 Ký và cung ngọ tọa 2 Ký. Trong khi đó cung tý lưu xuất Ký tới cung ngọ, như cung giáp tý mà cung ngọ có sao Thái Dương thì tý lưu xuất Ký sang ngọ. Khi đó trục tý ngọ có tổng cộng $2+3+1=6$ Ký.
- Không tính số Ký bị trùng lặp Hóa Ký và chuyển Ký. Ví dụ cung Điền hóa Ký nhập cung Phúc, cung Phúc hóa Ký nhập cung Di. Khi xem gia đạo hưng suy, cung Điền cung Phúc đều là những cung có quyền phát động Hóa Ký. Thế nhưng ở đây có sự trùng lặp Hóa Ký từ Phúc sang Di và Chuyển Ký từ Phúc sang Di, cho nên cả chuỗi Điền-Phúc-Di chỉ tính có 1 Ký chứ không phải 2 Ký.

Theo như cách tính số lượng Ký trong xuyên liên trên đây, thì nếu trong quá trình xuyên liên, càng có nhiều lưu xuất Ký thì số lượng Ký càng nhiều, có nghĩa là xấu. Lưu xuất Ký trong các trục hàm ý mâu thuẫn nội tại, tự mâu thuẫn bên trong vấn đề làm cho vấn đề càng xấu đi.

10. Luận gia đạo hưng suy

Gia đạo ở đây là tiên và người. Gia đạo hưng là tiên và người đều hưng thịnh đồng đức. Gia đạo suy là khi tiên thất thoát và người li tán. Xem gia đạo hưng suy sử dụng cung Điền làm Thê, ba cung Mệnh Phúc Di và Hóa Ký năm sinh là Dụng. Xét xuyên liên Thê Dụng và tính số lượng Hóa Ký trong xuyên



liên để xác định gia đạo hưng hay suy. Luận gia đạo hưng suy là bài tập cơ bản Xuyên Liên thể dụng của Lương phái. Sau khi thành thạo luận gia đạo hưng suy, có thể Xuyên Liên bất cứ cung nào với nhau.

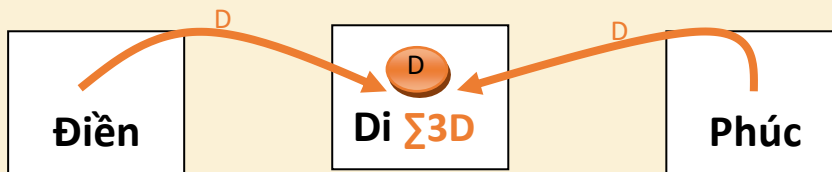
Cụ thể số lượng Ky ảnh hưởng như sau:

- Một Ky là lao, lao tức lao lực vất vả nhưng chưa đến nỗi suy kém.
- Hai Ky là bệnh, bệnh tức là đã xuất hiện tình trạng mất cân bằng nhưng chưa đến nỗi xảy ra chuyện nghiêm trọng.
- Ba Ky là phá, phá là khi mất cân bằng đã biểu hiện thành sự kiện, gia đình tiền hao người li tán.
- Bốn Ky là bại, bại là tình trạng suy sụp hoàn toàn.
- Năm Ky trở lên, sự phá bại gây hậu quả lâu dài, quy mô có thể ví như thời chiến tranh loạn lạc gia đình li tán đói rét bệnh khổ.

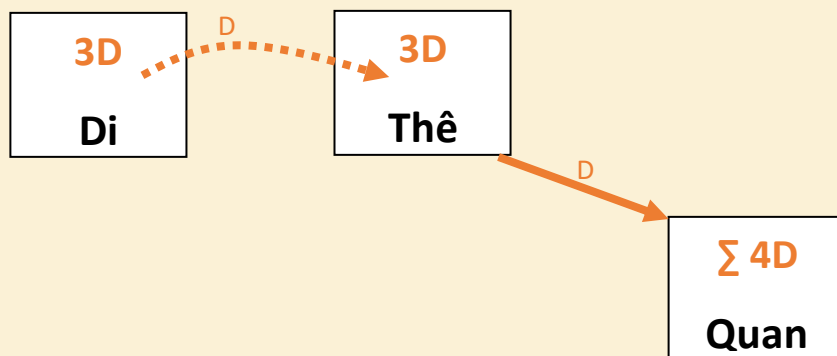
Ví dụ 1: Sinh năm Mậu, mệnh ở mao, Tử Vi ở tuất, Xương Khúc ở sửu. Xét gia đạo hưng suy, dùng cung Điền làm Thể, cung Mệnh Phúc Di và niên Ky làm Dụng. Xuyên liên thể dụng như sau:

ĐÔNG PHÚC ĐÌNH PHÁ BÍNH MỆNH ÁT LIÊM GIÁP	VŨ PHŨ ĐIỀN MẬU XƯƠNG KHÚC ÁT	NHẬT NGUYỆT D KỶ Mậu SÁT GIÁP	THAM CANH CỰ CỐ DI TÂN TỬ TƯỚNG NHÂM LƯƠNG QUÝ
---	---	--	--

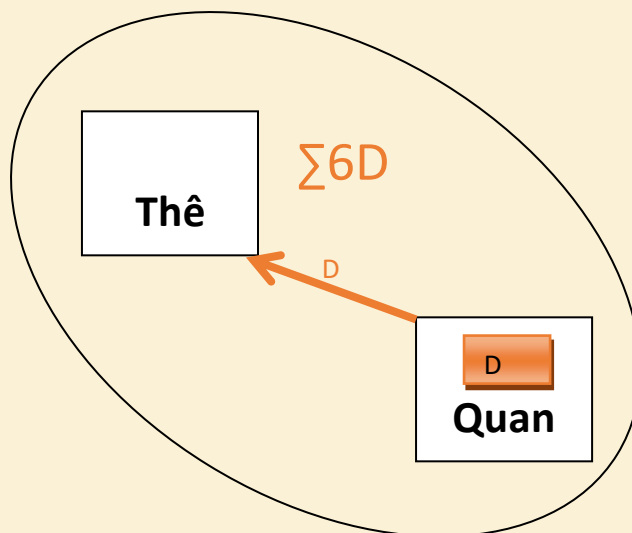
-Điền hóa Ky nhập Di, Phúc hóa Ky nhập di là đồng cung tương bách xuyên liên, tại di tọa 2 Ky cộng thêm 1 Ky năm sinh là tại di tọa 3 Ky.



-Niên Ky đương nhiên chuyển Ky nên 3 Ky tại di chuyển sang Thê. Thê lưu xuất Ky sang Quan cho nên trực thê quan có $3+1=4$ Ky



-Tại quan tọa mệnh Ky. Cung quan lại lưu xuất Ky sang thê. Nên trực quan thê cộng thêm 2 Ky. Tổng cộng trực quan thê có $4+2=6$ Ky



-Như vậy Thê Dụng xuyên liên hợp trình 6 Ky đánh phá trực tiếp vào trực quan thê. Gia đạo suy vong nặng nề, biểu hiện ở công việc và chuyện vợ chồng.

Ví dụ 2: Sinh năm Bính, mệnh ở mùi, Xương ở Dậu, Tử Vi ở dần. Xét gia đạo hưng suy, dùng cung Điền làm Thê, cung Mệnh Phúc Di và niên Ky làm Dụng. Xuyên liên thể dụng như sau: Xuyên liên tạo thành hai nhóm.

Nhóm 1:

- Mệnh Ky tọa Tài bạch đương nhiên chuyển Ky sang Phúc. Trực Phúc tài lưỡng đầu kiến Ky xuyên liên hợp trình 2 Ky.

- Điền hóa Ky nhập Di chuyển Ky sang Phúc. Điền là thê, phúc là dụng. Thê dụng hợp nhất. Trực Phúc Tài cộng thêm 1 Ky là 3 Ky

Nhóm 2:



- Niên Ky tọa Bào tại ngộ đương nhiên chuyển Ky sang Quan, Quan lại lưu xuất Ky sang Thê nên trực Quan Thê hợp trình 2 Ky.
- Phúc hóa Ky nhập Thê. Cho nên trực Quan Thê cộng thêm 1 Ky là 3 Ky.
- Thê gộp cả 3 Ky chuyển Ky sang Tử. Tử xung phá Điền, cho nên đây là Dụng xung phá Thê xuyên liên hợp trình 3 Ky.
- Tử lưu xuất Ky sang Điền cho nên trực Tử Điền cộng thêm 1 Ky là 4 Ky.

Như vậy nhóm 1 có 3 Ky xuyên liên phá hoại. Nhóm 2 có 4 Ky xuyên liên phá hoại. Gia đạo suy vi. Tổng cộng tại Điền có 7 Ky phá hoại nhưng 7 Ky của hai nhóm riêng phá thì mức độ sẽ nhẹ hơn 7 Ky cùng phá một lúc.

Ví dụ 3: Sinh năm Giáp, mệnh ở mùi, Xương ở Dậu, Tử Vi ở dân. Xét gia đạo hưng suy, dùng cung Điền làm Thê, cung Mệnh Phúc Di và niên Ky làm Dụng. Xuyên liên thể dụng như sau: Xuyên liên tạo thành hai nhóm.

- Di hóa Ky nhập Thê xung Quan. Tại Quan có niên Ky. Tạo thành lưỡng đầu kiến Ky xuyên liên hợp trình 2 Ky
- Điền hóa Ky nhập Quan, đồng cung tương bách với niên Ky và Di tại đây. Tại Quan có thêm 1 Ky là tổng 3 Ky
- Quan gom 3 Ky chuyển Ky sang Tài xung Phúc. Phúc tọa mệnh Ky. Cho nên trực Phúc Tài hợp trình có 4 Ky

Kết luận: gia đạo có 4 Ky là bại.

11. Yếu lĩnh luận mệnh

Luận mệnh là việc tổng hợp các thông tin từ cung chức tinh diệu và hóa tượng. Có thể tổng hợp hai yếu tố bất kỳ trong ba yếu tố trên sau đó tổng hợp nốt yếu tố còn lại cho đỡ rắc rối về cách tính. Ví dụ xuyên liên thủ pháp là kết nối hai yếu tố cung chức và hóa tượng, sau đó mới dùng tính lý tinh diệu để hoàn thiện luận đoán.

- Cần nắm vững tượng ý của 12 cung chức, tượng ý của tứ hóa tượng, tượng ý của 18 tinh diệu. Nên dần dần nắm vững 672 tượng ý cơ bản của Lương phái. Phần này giống như nguyên liệu để ta sử dụng dự đoán sau này. Nó là thực phẩm nguyên liệu ta dùng để chế biến món ăn.

- Cần nắm vững thủ pháp Lộc chuyển Ky và Ky chuyển Ky. Luôn nhớ rằng Lộc chuyển Ky có xét yếu tố đồng tinh diệu. Ky chuyển Ky thì không cần đồng tinh diệu.

- Hiểu được các nhóm cung, ví dụ nhóm cung tính cách (mệnh tật phúc), nhóm cung căn khí (phúc di tử). Có khả năng xuyên liên các cung trong nhóm cung để có nhận định tổng hợp chính xác về nhóm cung đó.

- Thành thạo cách luận hóa xuất tượng. Ky xuất luận như thế nào, Lộc xuất luận như thế nào.



- Thành thạo giao Lộc, giao Ky và Lộc Ky hợp tham đồng tinh diệu.
- Hiểu về quyền phát động phi hóa của các cung trong nguyên bản cũng như trong các vận.
- Thành thạo xuyên liên Thể Dụng. Hiểu thế nào là Thể, thế nào là Dụng. Thành thạo các cách cục xuyên liên Thể Dụng.

- a. Luận gia đạo hưng suy: Thể là Điền, Dụng là mệnh phúc di và niên Ky
- b. Luận hôn nhân: Thể là Phu thê, Điền hoặc Phụ; Dụng là mệnh phúc di và niên Ky
- c. Luận tính cách: xuyên liên ba cung tính cách là mệnh tật phúc và niên Ky
- d. Luận tài hoa: Thể là Phúc Di Tử, dụng là Mệnh và Tật và niên Ky
- e. Luận hình dáng bên ngoài: Thể là tật, Dụng là mệnh di phụ và niên Ky
- f. Luận sức khỏe: Thể là tật, Dụng là mệnh phúc di bào tử và niên Ky
- g. Luận thọ yếu: thể là phúc, dụng là mệnh di tử điền tật bào và niên Ky
- h. Luận bằng cấp học vị: Thể là phụ mẫu, dụng là mệnh phúc di và niên Ky
- i. Luận thành tựu sự nghiệp: Thể là Bào, dụng là mệnh phúc di và niên Ky

12. Xem hình dáng bề ngoài

Luận vóc dáng người lấy tật ách làm thể, sinh niên, mệnh cung, thiên di, phụ mẫu là dụng. Phúc đức là cung vị bắc cầu. Cung vị bắc cầu là cung vị mà nếu không có nó thì Xuyên Liên không xảy ra, nó tuy không có quyền của cung Thể Dụng nhưng đóng vai trò cầu nối xúc tác để Xuyên Liên xảy ra.

1. Luận cao:

Tật ách tọa hoặc hóa Lộc, quyền dễ cao dài (Lương, Tham, Liêm, Nhật, Nguyệt). Thiên Lương (là âm tinh đại thụ), Tham Lang (ngũ hành giáp mộc, tính chất vươn cao như cây lớn), Liêm Trinh (ngũ hành đinh hỏa, kỳ tính viêm thương), Thái Dương (mặt trời treo cao ở trên trời), Thái Âm (Thái Âm là mặt trăng treo cao ở trên trời), hóa Lộc hóa Quyền là cao. Tật ách, thiên di Lộc quyền giao cung đó, vóc người hội khá cao. Tật ách hóa Lộc quyền cùng cung vị biểu hiện (phụ mẫu, thiên di) giao Lộc dễ cao. Sinh niên Lộc, mệnh Lộc, tăng thêm cao. Phúc đức là bắc cầu cung vị.

2. Luận thấp:

Tật ách tọa hoặc hóa Ky dễ thấp bé, cùng thiên di, phụ mẫu giao Ky, càng thấp bé. Thiên Cơ (ngũ hành át mộc là cây thấp hoặc hoa cỏ), Thiên Đồng (ngũ hành nhâm thủy, tính chất là chảy xuống chỗ thấp), Vũ Khúc (ngũ hành tân kim, tính chất là chìm xuống), Cự Môn (ngũ hành quý thủy, tính chất là chảy xuống chỗ thấp), Văn Khúc (ngũ hành quý thủy, tính chất là chảy xuống chỗ thấp), Văn Xương (ngũ hành tân kim, tính chất là chìm xuống), hóa Ky vóc người dễ co gọn lại, song Ky trở lên là nhỏ nhắn xinh xắn. Tật ách, thiên di giao Ky đó, hiện ra 2 Ky trở lên, vóc người cũng dễ nhỏ nhắn xinh xắn. Nước tính chất là chảy chỗ trũng, cho nên dễ thấp lùn.

3. Luận thân cao thấp:



Tật ách làm thể, xuyên liên sinh niên, mệnh, phúc, thiên di, phụ, Lộc quyền nhiều hơn số Kỵ (sao chủ lùn), ước bình quân thân cao. Nếu như xuyên liên cao tinh mà lại có nhiều Lộc Quyền thì cao càng thêm cao. Số Kỵ mà nhiều hơn số Lộc quyền, thì cơ bản là thấp, càng nhiều Kỵ thì thân càng thấp bé.

4. Luận béo gầy:

Một là, tọa Lộc hoặc hóa Lộc:

Tật ách tọa Lộc: Đơn Lộc đầy đà có da có thịt, song Lộc trở lên, có thể gọi là béo. Dễ lười biếng, không thường vận động.

Tật ách hóa Lộc nhập thiên di (cung biểu hiện, cũng đại biểu cư xử tốt), hoặc phụ mẫu (cung biểu hiện, hòa ái dễ gần), hoặc giao Lộc rất dễ béo.

Tật ách hóa Lộc nhập phu thê (phu thê là Tật ách điền trạch, Tật ách thu tàng cung, là hình thể thân thể), sự nghiệp (phu thê thiên di, tọa Lộc chiếu phu thê), rất dễ béo.

Tật ách cùng thiên di giao Lộc, chuyển Kỵ nhập phu thê hoặc sự nghiệp. Hoặc Tật ách hóa Lộc nhập thiên di hoặc phụ mẫu, chuyển Kỵ nhập phu thê hoặc sự nghiệp, phùng sinh niên Lộc, mệnh Lộc, rất hội béo. Chỉ uống nước cũng đã béo, giảm béo không nổi.

Tật ách hóa Lộc nhập thu tàng cung (điền trạch, huynh đệ) cũng dễ béo.

Tật ách hóa Lộc nhập mệnh cung, phúc đức, thiên di, phụ mẫu, cũng dễ béo. Cũng là lười vận động. Cư xử tốt, ở chung vui vẻ hài hòa.

Tật ách cùng phúc đức, thiên di giao Lộc, béo có nghĩa là đang có phúc. (khi đó vận khí đang tốt, mọi việc trôi chảy). Tật ách Lộc nhập điền trạch, hoặc cùng điền trạch giao Lộc, cũng có nghĩa béo là có phúc, gia vận tốt, đa phúc đa thọ ít bệnh.

Hai, tọa quyền hoặc hóa Quyền:

Tật ách tọa quyền: Vóc người rắn chắc hoặc cường tráng, ít ốm đau.

Tật ách hóa Quyền nhập mệnh, thiên di (cá tính rõ ràng, sức khỏe kiên cường dẻo dai), cũng là hình thể cường tráng ít bệnh.

Tật ách hóa Quyền nhập phu thê, sự nghiệp, có vận động tế bào, ưa vận động, hình thể đương nhiên khá là cường tráng.

Tật ách hóa Quyền phùng sự nghiệp hóa Lộc, sẽ thích vận động tập thể hình.

Tật ách hóa Quyền phùng phúc đức, thiên di, tử nữ, điền trạch hóa Lộc hội hợp, vận động dưỡng sinh thành công (hội Tham Lang, Thiên Lương, Thiên Đồng thọ tinh đều tốt, Tham Lang là tốt nhất).

Ba, Tật ách tọa Kỵ hoặc hóa Kỵ:



Tật ách hóa Ky nhập phu thê hoặc sự nghiệp, dễ gãy.

Tật ách hóa Ky nhập thiên di hoặc phụ mẫu, dễ gãy, cá tính khá là nôn nóng dễ xúc động, khó ngồi yên.

Tật ách hóa Ky nhập phu thê chuyển Ky nhập thiên di, đạt song Ky trở lên đó, dễ gãy trơ xương.

Tật ách tọa Ky hoặc tự hóa Ky, hoặc Tật ách hóa Ky nhập phụ mẫu, thiên di, hoặc hóa Ky nhập phu thê, sự nghiệp, dễ giảm béo.

Phạm Tật ách hóa Lộc xuyên liên tương quan cung vị hợp trình đa Lộc, không béo thì cũng lười. Ngược lại, xuyên liên đa Ky, không gãy thì cũng bệnh. Luận béo gãy, phải Lộc Ky cộng tham, rồi sau đó xem khế ứng đại hạn, lưu niên mà đoán định. Ở đại vận và lưu niên khác nhau, thì hình thể cũng không giống nhau.

5. Hình dạng xấu đẹp:

Tham Lang, Liêm Trinh là hoa đào tinh

Mệnh cung hóa Liêm Trinh, Tham Lang Lộc nhập thiên di phụ mẫu, cho ta đào hoa mỹ lực biểu hiện ra ngoài, dễ tướng mạo đẹp, hoặc tươi cười rạng rỡ như hoa phóng điện hút người khác giới. Có vẻ bề ngoài thân thiện.

Tật ách cung hóa Liêm Trinh, Tham Lang Lộc nhập thiên di phụ mẫu, thân thể đào hoa mỹ lực biểu hiện bên ngoài nhìn rất hấp dẫn, tướng mạo đẹp, các số đo đều chuẩn.

Phụ mẫu thiên di hóa Liêm Trinh, Tham Lang Lộc, tướng mạo đẹp. Nhược hóa Lộc nhập giao hữu tam phương, biểu thị giao tiếp giỏi.

Thái Âm Lộc là băng thanh ngọc khiết, tướng mạo thanh lệ.

Mệnh cung hóa Ky nhập thiên di, lòng dạ nông cạn, biểu hiện bên ngoài ngại ngùng e thẹn.

Mệnh cung hóa Ky nhập phụ mẫu, lòng dạ nông cạn, biểu hiện bên ngoài tương đối nghiêm túc lạnh nhạt, tính cách thẳng thắn nhanh gọn, vui buồn dễ lộ ra mặt, thiếu kiểm soát cảm xúc.

Tật ách hóa Ky nhập phụ mẫu, thiên di, tính tình nhanh và thẳng, không có tính nhẫn nại, thiếu tu dưỡng, dễ lộ vui buồn ra mặt. Phùng Quyền lại càng dễ thô lỗ. Hóa Thái Âm Ky, tướng mạo dễ khá là xấu và quái dị. Không giỏi cư xử. Nôn nóng bôn chôn đứng ngồi không yên.

Khoa chủ tri thức, tu dưỡng tốt, có khí chất. Lý trí, hòa hoãn.

Mệnh khoa nhập thiên di: Cao nhã, thanh tú, bình thản, đề phòng nguy trang giả tạo.

Mệnh khoa nhập phụ mẫu: Văn chất, thanh tú. Tính tình nhã nhặn, bình thản.

Tật ách khoa nhập thiên di: Cử chỉ Ưu nhã, thông thả lễ độ. Nhưng đề phòng Ôn nhu, do dự.



Tật ách khoa nhập phụ mẫu: Văn nhã lễ độ. Cử chỉ bình thân. Nhưng đề phòng Ôn nhu khách sáo .

Phúc đức khoa nhập thiên di: Coi trọng tu dưỡng, thương thức. Tâm bình khí hòa, hàm dưỡng tốt, có nhiều quý nhân. Dễ yêu thích tôn giáo, triết học, tâm linh học.

Phúc đức khoa nhập phụ mẫu: Tu dưỡng tốt, ăn nói nho nhã. Cách cục kém thì đề phòng Ôn nhu để tỏ vẻ . Thận trọng từ lời nói đến việc làm.

13. Cung tính cách

Cung tính cách là ba cung Mệnh Tật Phúc với mối quan hệ nhất lục cộng tông. Nếu mệnh là 1 thì tật là 6, nếu tật là 1 thì phúc là 6. Bộ ba cung mệnh tật phúc đi với nhau trong đó có ý nghĩa chung là tính cách của ta. Nói cách khác, cung tật và cung phúc làm rõ nét hơn tính cách đọc từ cung mệnh. Xuyên liên ba cung tính cách nhiều Lộc là người lạc quan vui vẻ, nhưng nếu không có Quyền thì dễ thành người phù phiếm mơ mộng mà thiếu nghị lực cố gắng. Xuyên liên ba cung tính cách có nhiều Kỵ là người thực dụng thực tế, nhưng đa nghi và có nhiều suy nghĩ ích kỷ tiêu cực. Xuyên liên đi qua các sao đào hoa như Liêm Tham Âm Cự thể hiện tính cách đào hoa, tính đào hoa này gây hậu quả tốt hay xấu dựa vào số Kỵ Lộc hợp trình. Xuyên liên các cung tính cách có tượng Lộc xuất là cái hay cái đẹp được phô diễn ra ngoài. Xuyên liên các cung tính cách có tượng Kỵ xuất là cái xấu cái dở được phô diễn ra ngoài. Nếu xuyên liên đi qua các tinh diệu có tính chất mạnh mẽ kiêu dũng lại có tượng Lộc xuất Quyền xuất thì người đó tính cách anh hùng trượng nghĩa, là một hào kiệt trên đời. Cách luận khác cũng tương tự như vậy.

- a. **Ví dụ lá số Dalai Lama** (các bạn lưu ý là độ tin cậy thông tin mọi lá số chỉ là tương đối, các bạn học để cảm nhận được phương pháp rồi thoát ra và suy nghĩ độc lập của riêng mình mới là điều quan trọng).

Xuyên liên Lộc của mệnh phúc tật niên Lộc: (khi Xuyên liên Lộc luôn phải chú ý Truy Lộc cần cùng tinh diệu)

Mệnh cung tân tỵ hóa Lộc Cự Môn ở mậu dần chuyển Kỵ tới Thiên Cơ ở canh thìn, tại canh thìn tọa niên Lộc đương nhiên chuyển Kỵ tới Thái Âm ở mậu tỵ (cung tật ách). 2A được chuyển tới tật ách.



Phúc cung quý mùi hóa Lộc Phá Quân ở ất dậu chuyển Kỵ tới Thái Âm ở mậu tỵ (cung tật ách). 1A được chuyển tới tật ách.

Như vậy tại tật ách tọa 3A.

Tật ách mậu tỵ hóa Lộc Tham Lang tại kỷ sửu chuyển Kỵ tới Văn Khúc ở phụ mẫu đối xung tật ách.

Như vậy trục tật ách có 4A tổng cộng. Cho nên các cung tính cách của Dalai Lama xuyên liên hợp trình 4A hội tụ tật ách tất nhiên là người chịu ảnh hưởng lớn bởi cung tật ách duyên nghiệp, ở đây ứng với tu hành. Xuyên liên hợp trình 4A hội tụ tật ách tọa trên sao Thái Âm, cho nên đây là người tu hành huyền môn, Lộc chủ cát chủ thiện cho nên đây là người có tính cách thiện.



Tân Mệnh Tử Sát	Nhâm 1A Văn Khúc	Quý	Giáp Văn Xương
Canh  Cơ Lương	Dalai Lama		Ất Liêm Phá
Kỷ Tướng			Bính
Mậu  Đương Cự	Kỷ Vũ Tham	Mậu 3A Đông Âm	Đinh Thiên Phủ

Xuyến liên Kỵ của mệnh phúc tật niên Kỵ:



Mệnh tân tỵ hóa Kỵ Văn Xương tọa giáp thân chuyển Kỵ Thái Dương tọa mậu dần.

Phúc quý mùi hóa Kỵ Tham Lang tọa kỷ sửu chuyển Kỵ Văn Khúc tọa nhâm ngọ.

Tật ách mậu tỵ hóa Kỵ Thiên Cơ tọa canh thìn chuyển Kỵ Thái Âm tọa tật ách.

Niên Kỵ tọa tật ách.

Như vậy trục tật ách có 3D. Cung mệnh đứng ngoài Xuyến liên Kỵ các cung tính cách này. Cung tật vừa có niên Kỵ tọa vừa hợp trình xuyến liên 3D hội tụ. Cho nên cung tật là cung quan trọng trong cuộc đời Dalai Lama. Duyên nghiệp và tu hành trả nghiệp là chuyện trọng yếu của ông. Cung mệnh đứng ngoài xuyến liên Kỵ các cung tính cách cho nên cung mệnh có thể tránh né được những liên lụy xấu từ tổ hợp này gây ra.

Tân Mệnh Tử Sát	Nhâm 1D Văn Khúc	Quý	Giáp  Văn Xương
Canh Cơ Lương	Dalai Lama		Ất Liêm Phá
Kỷ Tướng			Bính
Mậu Đương Cự	Kỷ Vũ Tham	Mậu 2D Đông Âm 	Đinh Thiên Phủ



Trong các cung tính cách, riêng cung phúc đức hóa Kỵ và hóa Kỵ chuyển Kỵ đi lẻ. Cho thấy trong tính cách xuyên Kỵ không có vai trò của cung phúc đức. Điều này cũng thể hiện trong cá tính quyết liệt của MTĐ.

Đinh	Mậu	Kỵ	Canh Mệnh Tham Khúc
Đông	Vũ Phủ Xương	Âm Dương	3D D
Bính	MTĐ	D	Tân
Phá			1D Cơ Cự
Át			Nhâm
Giáp	Át	Giáp	Tử Tướng
Liêm		Sát	Quý
			Lương

CÁ TÍNH BỘC TRỰC

Người bộc trực cá tính, phi tinh tử vi đầu số có một loại thuyết pháp, là Bất bình tác minh: Thấy chuyện bất bình thì phải lên tiếng.

Sở dĩ xảy ra Thấy chuyện bất bình thì phải lên tiếng, có hai mấu chốt:

1-Vừa là tính không kiên nhẫn, gặp phải chuyện không như ý, không giấu được lửa giận trong lòng, mà nhanh chóng biểu hiện ra ngoài. (Ky xuất)

2-Vừa là lòng háo thắng, rất nhanh biểu hiện ra ngoài. (quyền xuất)

Khi hai điều đó kết hợp, lúc gặp chuyện bất bình, sẽ nhin không được mà lên tiếng, hoặc phát giận, hoặc kích động, hoặc rút dao tương trợ.

Phúc hóa Quyền nhập thiên di hoặc phụ mẫu, phùng Kỵ: Khi gặp phải chuyện không hài lòng, thấy chuyện bất bình thì phải lên tiếng. (đây cũng là biểu hiện một cách nóng nảy bộc trực)

Phải như thế nào mới có thể có đón nhận sự ủng hộ của những người xung quanh, khi Phúc Hóa Quyền nhập Phụ Mẫu hoặc Thiên Di, phùng đồng tinh diệu Giao Hữu (Giao hữu) Hóa Lộc tới, sẽ được mọi người vỗ tay tán thưởng.

14. Cung căn khí

CUNG CĂN KHÍ XEM PHÚC KHÍ, MAY MẮN



Tuổi thọ dài ngắn, cần xem phúc khí. Xuyên liên các cung phúc đức, thiên di, tử nữ quyết định phúc thọ. Nếu phúc dày, thì cho dù gặp nhiều kiếp nạn cũng sẽ qua khỏi. Ba cung căn khí được xây dựng xoay quanh cung phúc, nếu phúc là 1 thì tử là 6 vì tử là tạt của phúc, và di là 9 vì di là quan của phúc, di là khí số vị của phúc. Cho nên ba cung phúc di tử hàm ý xem phúc khí của người đó, phúc dày hay mỏng cho biết may mắn hay xui xẻo. Cung căn khí cũng dùng để xem tài hoa của đời người. Qua đây ta thấy người xưa coi tài hoa là điều gắn với sự bảm sinh, sự may mắn trời ban. Có tài hoa chính là có phúc. Nếu ba cung tạt ách xoay quanh cung mệnh thì ba cung căn khí xoay quanh cung phúc. Xuyên liên cung căn khí nhiều Lộc là có nhiều may mắn, nhiều Kỵ là có nhiều xui xẻo, lại gặp tượng Lộc xuất Kỵ xuất thì may mắn và xui xẻo đó không chỉ là xu hướng tiềm năng mà được biểu lộ được hiện thực hóa ra sự việc sự kiện.

Ví dụ cách tính toán phúc dày hay mỏng:

Một, hóa Lộc năm sinh tại Thái Âm tọa phụ mẫu, chuyên tâm Văn Xương hiệp Lộc nhập thiên di, được một Lộc.

Hai, thiên di giáp Liêm Trinh Lộc nhập mệnh, lại được thêm một Lộc nữa.

Ba, mệnh hóa Thái Dương Lộc ở giao hữu, phúc hóa Thiên Lương Lộc ở giao hữu hội Tật ách quyền, chuyển Tham Lang Kỵ hiệp song Lộc đến phúc đức, lại có thêm hai Lộc một quyền.

Tổng cộng, phúc được 4 Lộc và 1 quyền, chắc chắn không phải là đoản mệnh rồi, có thể thọ đến 70. Nhưng phúc đức cũng gặp phá hoại, cho nên cần phải tích đức, duy trì tập thể dục dưỡng sinh bằng không lúc về già sức khỏe sẽ rất kém.

15. Tượng Kỵ xuất

Kỵ xuất có ý tượng là ngay thẳng, trực tiếp, phát tiết, tiêu tán. Vì trực tiếp biểu hiện tâm tình một cách trần trụi, vì vậy còn có nghĩa là suy nghĩ thiên cận, dễ xung động, ấu trĩ, nông cạn, cho nên cũng dễ tạo thành túng quẫn, vô trí, bệnh hay quên, đần độn, mờ mịt, hoảng loạn, uể oải, tự ti, loạn kết cấu, suy nghĩ trống rỗng, làm việc và hành động không có mục đích. Chúng ta đã biết Xuyên liên Kỵ các cung giống như bình thông nhau, gặp Kỵ xuất là có bình thủng, nước tất nhiên phải chảy ra ngoài. Hay giống như, nhóm bạn chơi với nhau buôn chuyện với nhau, chỉ một người trong đó bẻp xép là thông tin của cả nhóm trao đổi bị lộ ra ngoài. Kỵ xuất đơn giản là cái dở lộ ra, cái dở thành hiện thực, chuyện lộ ra không được người đời ủng hộ mà thành dở. Lộc xuất ngược lại là cái tốt lộ ra, cái hay được người đời đón nhận.

Kỵ xuất có 3 loại:

1. Hóa Kỵ nhập phụ mẫu — Kỵ xuất tại thiên di của tạt ách. Hóa Kỵ nhập thiên di — Kỵ xuất tại thiên di của mệnh cung

2. Bản cung Tự hóa Kỵ xuất



3. Bản cung hóa Ky nhập đối cung trực tiếp Ky xuất

Ky xuất sợ nhất gặp đa Ky lại gặp Ky xuất, là tượng rối loạn nghiêm trọng.

Thí dụ như mệnh cung (cung tính cách) tọa niên Ky lại phùng bản cung Tự hóa Ky xuất, hoặc nếu mệnh cung tọa niên Ky mà can cung đó lại hóa Ky nhập phụ mẫu hoặc thiên di là tượng Ky xuất. Người như thế dễ nhiều phiền não, không an định, ít suy tư mà vui giận biểu hiện luôn trên khuôn mặt.

Như cách trên mà lại gặp phúc đức, tất ách đều là cung chủ về tính cách đồng thời hóa Ky nhập mệnh cung cùng với niên Ky tạo thành Tam Ky phá, lại gặp mệnh cung Tự hóa Ky xuất hoặc mệnh cung hóa Ky nhập phụ mẫu, thiên di tượng Ky xuất, tất người này thô lỗ, gấp gáp, ít có tu dưỡng, hành sự không có suy nghĩ. Ngày nào đó cũng có thể gặp vấn đề về sức khỏe, bởi vì mệnh phúc tất xuyên liên nhiều Ky phá hoại, chẳng lẽ lại không gặp chuyện gì?

Lại thí dụ như cung sự nghiệp cùng huynh đệ (sự nghiệp nhất lục cộng tông) hoặc tất ách (tâm tình cung) cùng những cung liên quan công tác, mà biến thành xuyên liên trình đa Ky phá bại ở cung nào đó, mà cung đó lại có Tự hóa Ky xuất hoặc Ky xuất tới đối cung, thì người này trong quá trình công tác hay gặp chuyện trở ngại, không như ý, bất đắc chí mà bỏ việc. Nếu như chỉ là hội Song Ky lại phùng Tự hóa Ky xuất hoặc Ky xuất tới đối cung, kỳ lục phá không quá nghiêm trọng, vì vậy có thể nhẫn nại chịu khó mà vượt qua khó khăn. Thế mới nói Ky xuất là tiêu tán, cửa ải khó khăn rồi cũng sẽ trôi quang mây tạnh. Nếu như tụ hội Tam Ky hoặc nhiều hơn thì khi đó sự phá hoại là nghiêm trọng nếu lại gặp Tự hóa Ky xuất hoặc Lưu xuất Ky (Ky xuất đảo đối cung), thì khó khăn thất bại không dứt và phải kết thúc doanh nghiệp, nãi đa Ky chi phá lại phùng Ky xuất tiêu tán, mọi việc đều TAN THÀNH MÂY KHÓI.

Thí dụ như phu thê bản cung tự hóa Ky xuất, thì người phối ngẫu tính tình thẳng không đẽ búng. Giả như phu thê tọa Mệnh Ky cho đến niên Ky hợp trình song Ky lại phùng Tự hóa Ky xuất, thì người phối ngẫu không suy nghĩ nhiều, bộc trực, tâm tư biểu hiện ngay trên khuôn mặt, ít tình cảm. Về lâu về dài, tất nhiên hôn nhân có chuyện bằng mặt không bằng lòng. Nếu như hai cung phụ mẫu hoặc điền trạch lại không tốt, thì có nguy cơ cao là li dị.

16. Xem cách cục tình cảm

KẾT CẤU MỆNH BÀN ĐÀO HOA

Nếu có người mang cung Tử nữ để nói cái kiêu chém đỉnh chặt sắt về chuyện đào hoa. Luận như thế là hại oan bao nhiêu người. Đơn giản là Tử nữ cung là tất ách của Phúc đức cung, là cung chủ về sự hưởng thụ của thân thể, cho nên nếu đem ra nói một cách tuyệt đối là Hoa đào cung, gây hàm oan thiên cổ bao người.

Cũng bởi vì Tử nữ là cung đứng sau cung Phu thê một cung, cho nên đương nhiên là tình cảm sau hôn nhân. Chưa ly hôn thì cung Tử nữ là tình ngoài giá thú tức ngoại tình, li hôn rồi thì Tử nữ là cuộc hôn nhân tiếp theo, cho nên Tử nữ là đào hoa cung nhưng không thể coi đó là tuyệt đối nhất nhất như



vậy. Bởi vì, nếu như tái hôn Tử nữ cung chính là cung Phối ngẫu lần thứ hai, mà phối ngẫu là chính đại quang minh, không thể lẫn lộn với chuyện đào hoa bất minh được.

Từ trước đến nay cung Tử nữ chẳng phải là dùng để xem con cái sao ? Nếu muốn luận đào hoa, trừ phi Tử nữ cung có hóa xuất hoặc hóa nhập đồng thời xuyên liên Liêm Trinh hoặc Tham Lang hai Hoa đào tinh, thì còn có thể luận là có chuyện đào hoa, nếu không thì không thể.

Cách cục đào hoa trong mệnh lý cũng có sự đa dạng của nó:

1. Mệnh cung, tật ách cùng phúc đức ba cung tính cách hóa Liêm Trinh Lộc hoặc Tham Lang Lộc, thì người này dễ đa tình; ba cung tính cách hóa Liêm Trinh Kỵ hoặc Tham Lang Kỵ, là người này dễ si tình lụy tình. Ba cung tính cách tạo thành Liêm Trinh hoặc Tham Lang Lộc Kỵ Đồng cung, tức người này dễ đa tình đa dục, dễ vướng vào tình yêu sét đánh; đặc biệt là khi tật ách cùng phúc đức có Liêm Trinh hoặc Tham Lang Lộc Kỵ Đồng cung, lại thêm xuyên liên Sinh niên hoặc mệnh cung biến thành Liêm Trinh Lộc Kỵ hoặc Tham Lang Lộc Kỵ hợp trình xuyên liên đào hoa Đa Lộc Kỵ, đều cần phòng tránh dục tình dục vọng làm trầm mê mụ mị.

2. Mệnh cung, tật ách cùng phúc đức ba cung tính cách hóa Liêm Trinh Lộc hoặc Tham Lang Lộc nhập thiên di (mệnh cung biểu tượng), phụ mẫu (Tật ách biểu tượng) cùng Tài Bạch (phúc đức biểu tượng) ba cung biểu tượng, thì người này dễ có biểu hiện động tình đào hoa, qua bức vách cũng đánh hơi được mùi xuân tình.

3. Nếu thiên di hoặc phụ mẫu hai cung biểu tượng, hóa Liêm Trinh Lộc hoặc Tham Lang Lộc nhập mệnh cung, tật ách, phúc đức, cũng dễ mắc vào chuyện đào hoa. Lấy tật ách, phúc đức mà nói, có thể ngoắc tay là thành hôn; xuyên liên hoa đào tinh đa Lộc, là cảnh hoa nở khắp nơi. Thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Giao hữu, rất giỏi giao tế; thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Phu thê, thường truy tìm con mồi; thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Tử nữ, ngoắc tay là thành hôn. thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa Lộc nhập Sự nghiệp, cũng có khả năng sản sinh hoa đào. Đặc biệt thiên di hoặc phụ mẫu hóa Lộc đào hoa tinh, hoặc như thiên di hoặc phụ mẫu bản cung tự hóa Lộc Hoa đào Lộc xuất, rất dễ tồn tại mị lực với người khác phái, đương nhiên trên hoa gheo nguyệt.

4. Mệnh cung, tật ách, phúc đức cùng Phu thê, Tử nữ, Giao hữu tọa Sinh niên hoặc mệnh cung biến thành đào hoa Lộc hoặc bản cung hoa đào tinh Tự hóa Lộc xuất, cũng dễ sinh ra chuyện đào hoa trăng gió.

5. Ngược lại, nếu như thiên di, phụ mẫu hai cung biểu tượng, tọa Liêm Trinh Kỵ hoặc Tham Lang Kỵ, tất nhiên vụng về chuyện tán zai tán gái. Hoặc như thiên di, phụ mẫu hai cung biểu tượng hóa Liêm Trinh Kỵ hoặc Tham Lang Kỵ nhập mệnh cung, tật ách, phúc đức cùng Phu thê, Tử nữ, Giao hữu, Sự nghiệp, cũng là vụng về chuyện tình cảm với người khác phái. Hợp trình Song Kỵ (hoặc trở lên) thì lại



càng vụng hơn chỉ có thể lấy người quen thân hoặc qua môi giới giới thiệu, khó tự mình tán được zai được gái.

MỆNH CÁCH KHÓ YÊU

Đàn ông hay đùa nhau, trên đời chỉ có hai loại đàn ông: một là háo sắc, hai là phi thường háo sắc. Cho đến khi gặp được những loại mệnh cách khó yêu. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên lý âm dương. Có người đa tình tình cũng có người lãnh cảm khó yêu, không có gì đáng ngạc nhiên. Nếu mệnh cách thể hiện không giỏi giao tế (thiên di hóa Kỵ nhập phu thê, chuyển Kỵ nhập Tài Bạch, hội phúc đức, sinh niên Kỵ, hợp trình 3 Kỵ mà phá).

Cho nên tính cách như vậy sẽ không sa ngã vào tình cảm và tình dục, cho nên không những không biết tham hoa yêu rượu ở ngoài, mà ngay cả thói hư tật xấu bar sàn bay lắc cũng không có. Mệnh cung, Tật ách, Phúc hóa Kỵ không xuyên liên xuyên qua Liêm Trinh, Tham Lang, cho nên sẽ không sa ngã vào tình cảm và tình dục, cũng sẽ không sa ngã vào ăn uống rượu chè bê tha.

Nếu mệnh cung, Tật ách, phúc hóa Lộc không có xuyên liên đẩu Liêm Trinh, Tham Lang, cũng không có Hóa Kỵ nhập cung phu thê thì cũng sẽ không đa tình đa dục. Ngoài ra nếu mệnh hóa Kỵ nhập tật tự hóa Kỵ xuất thì cũng là người ưa sạch sẽ, tính cách cẩn mẫn và hơi bảo thủ.

17. Xuyên liên thủ pháp luận hôn nhân

Bài này nói về hôn nhân, hôn nhân trạng thái: Kết hôn, ly hôn, quan niệm không kết hôn, hôn duyên dày mỏng, ngoại tình. Lấy phu thê cung, điền trạch hoặc phụ mẫu làm thể, mệnh cung, phúc đức, thiên di là dụng

Luận xuyên liên Kỵ: Lấy phu thê cung, điền trạch hoặc phụ mẫu làm thể, mệnh cung, phúc đức, thiên di là dụng

1. Luận ly hôn: Phu thê, điền trạch hoặc phụ mẫu, xuyên liên mệnh cung, phúc đức, thiên di hợp thành 4 Kỵ trở lên phá cục. Ví như kết cấu phân li, cần xem kết cấu mạnh yếu mà phán định, hôn duyên có phá bại, hơn nữa hôn duyên bạc nhược, đều có thể luận là cuộc hôn nhân không bền. Có thể luận là có khả năng li hôn, nhưng không phải chắc chắn sẽ li hôn. Cần hiểu rằng các cách cục li hôn có biến hóa phức tạp.

2. Luận quan niệm không kết hôn, lấy phúc đức Kỵ xuất là chính, xuyên liên phu thê, điền trạch hoặc phụ mẫu thành 3 Kỵ trở lên chi phá, xem hôn duyên dày mỏng mà suy luận. Hôn duyên dày thì chỉ là vấn đề thời gian, khi nghiệp lực kết thúc, hôn duyên sẽ thành. Còn nếu hôn duyên mỏng, có thể là cả đời.

3. Luận kẻ khác ngoại tình (ta là kẻ bị cảm sùng), phu thê hóa Kỵ xuyên liên (Thái Âm hoặc Cự Môn), thậm chí xuyên liên (Liêm Trinh hoặc Tham Lang), tái xuyên liên điền trạch thành phá, thông thường cần xuyên liên Cự Môn (tinh diệu có ý nghĩa là hộ tịch), điền trạch hộ tịch cung, hoặc Văn Xương Văn Khúc công văn tinh.



4. Luận ta có ngoại tình hay không (tất nhiên có kết hôn, thì mới nói chuyện ngoại tình), tắc lấy tính cách cung vị (mệnh cung, phúc đức, Tật ách) đến xem TA đa tình hoặc chung tình hoặc tình yêu sét đánh, tái phối hợp nhân tế gặp gỡ, tế ngộ, sự nghiệp (là cảm tình ngoài hôn nhân-cung thiên di của phu thê), tử nữ (cảm tình sau hôn nhân). Tha cung phi Lộc hội, biểu thị đối phương tới báo ân, thì sẽ không xảy ra va chạm, phải xem ngã cung hóa Kỵ xuyên liên kết cấu có tạo thành phá bại hay không. Tha cung hóa Kỵ hội tới, biểu thị là đòi nợ, là kém may mắn chuyện đào hoa, hoa đại ven đường không nên hái, biểu thị TA không có phúc khí trong chuyện đào hoa tình ái, nghìn vạn lần không nên ham mà sập bẫy.

Luận xuyên liên Lộc (luận kết hôn): Lấy phu thê cung, điền trạch hoặc phụ mẫu làm thể, mệnh cung, phúc đức, thiên di là dụng

Cung vị bắc cầu không phải thành bại cung vị mà có tác dụng bắc cầu, bởi vì hóa Lộc cách tính xuyên liên rất nghiêm cẩn, cho nên khi hóa Lộc kết cấu phải thông qua bắc cầu mới có thể xuyên liên thể dụng, nhất định phải có xuyên liên, hôn nhân duyên phận tài năng xuyên liên thành vượng, thì hôn nhân sẽ thành.

Cung vị bắc cầu như sau:

1. Tài Bạch: Phu thê của phu thê, là hôn nhân đối đãi cung vị, luận ta cùng với phối ngẫu ăn ở đối xử với nhau ra sao.

2. Tật ách: Mệnh cung cộng tông sáu vị, mệnh là cái TA vô hình, Tật ách là thân thể là cái TA hữu hình, thể xác và tinh thần hợp lại làm một. luận ta cùng với phối ngẫu tiếp xúc thân thể, hóa Lộc nghĩa là tốt đẹp.

3. Giao hữu: Phu thê Tật ách, thân thể của phối ngẫu, nhất định phải xuyên liên phu thê cung thì mới tính. Cũng mang hàm ý giao hữu môi giới giới thiệu cho cuộc hôn nhân giới duyên, biểu thị hôn nhân của ta khả năng đến từ những người bạn bè thân quen.

4. Sự nghiệp: Thông qua công việc mà gặp nhau, nhờ có quan hệ công tác mà nên duyên.

5. Tử nữ: Thông qua tử nữ bắc cầu, giá xung là hôn duyên một chút duyên, thông thường có hai trường hợp, một là trước đây đã từng kết hôn, hai là kết hôn xong thì nhanh chóng có con.

Muốn xem ai là chủ thể của vấn đề, thì xem cung nào chủ động hóa xuất.

Mệnh cung tứ hóa nhập phu thê, là ta chủ động.

Phu thê tứ hóa nhập ngã cung, là vợ/chồng tương đối chủ động. Còn phải xem nhập cung vị nào thì cần nghiên cứu cụ thể.

Bởi vì nam nữ khác nhau, nam tính là dương, đương nhiên phái nam chủ động là chuyện bình thường. Nếu như là nữ mệnh truy cầu, nhất định phải tỉ mỉ nghiên cứu.



Đồng tính luyện ái hôn nhân, bởi vì đồng tính luyện ái là dựa theo tính cách mà suy luận, không lấy phu thê cung mà suy luận, mà cũng vì pháp luật đất nước ta hiện nay không thừa nhận đồng tính luyện ái hôn nhân, cho nên cũng không lấy phu thê cung để xem.

18. Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu

Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu là trường hợp khi cung A phi Lộc/Kỵ nhập sao X tọa cung B đồng thời cung C cũng phi Lộc/Kỵ nhập sao X tọa cung B. Khi đó tùy trường hợp mà tốt xấu khác nhau. Vì như bạn biết hai cung phi Lộc đến cùng một cung gọi là giao Lộc thể hiện sự tốt đẹp, tùy theo giao Lộc trên cùng một tinh diệu hay khác tinh diệu mà có khác nhau, nhưng cơ bản ta hiểu trường hợp này là tốt đẹp. Ngược lại hai cung cùng phi Kỵ tới một cung, ta hiểu là giao Kỵ hàm ý có sự va chạm và xấu xa. Hai trường hợp đó thì tốt xấu rõ ràng, chỉ có trường hợp Lộc Kỵ cùng gặp trên một tinh diệu trong cùng một cung mới cần phân định tốt (thành song Lộc) hay xấu (thành song Kỵ). Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu là thủ pháp quan trọng sử dụng khi xem vận, đánh giá sự tương tác tốt xấu giữa các cung liên quan, sự tốt xấu đó xảy ra tại cung mà Lộc Kỵ hợp tham và có thể chuyển Kỵ gây ảnh hưởng sang cung khác.

Đầu tiên cần phân ra tha cung và ngã cung. Ngã cung là cung của ta hàm ý nội, hàm ý bên trong. Tha cung là cung của người hàm ý ngoại, hàm ý bên ngoài. Có hai cách phân tha ngã cung, tùy bạn có thể lựa chọn sử dụng.

Cách 1: Tha cung là 6 cung Phúc Di Phối Phụ Tử Nô, Ngã cung là 6 cung Mệnh Tài Quan Điền Tật Bào.

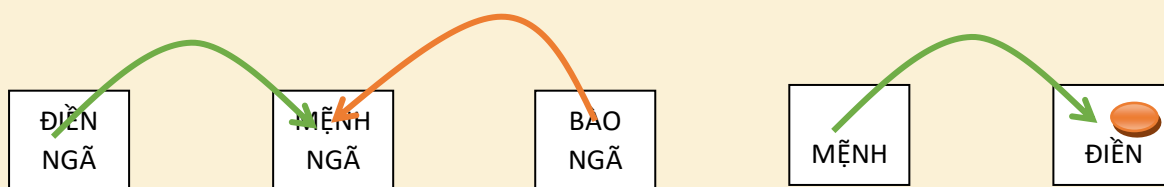
Cách 2: Tha cung là 6 cung huynh đệ Di Phối Phụ Tử Nô, ngã cung là 6 cung Mệnh Tài Quan Điền Tật Phúc.

Từ vì đầu số có 12 cung chia thành 4 tam hợp. Tam hợp mệnh tài quan là chủ quản. Tam hợp Phúc Di Phối cho biết nhân quả. Tam hợp Điền Tật Bào là cung thu tàng cất giữ. Tam hợp Phụ Tử Nô cho biết sự giao tiếp.

Lộc Kỵ đồng tham có những trường hợp sau:

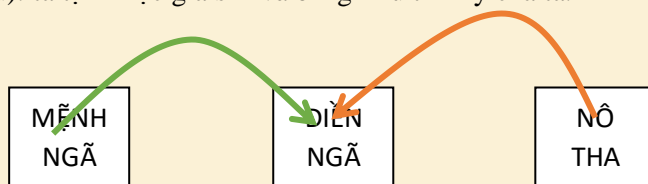
1. Mệnh phi Lộc nhập Điền, Bào phi Kỵ nhập Điền. Cung huynh đệ còn thể hiện thu nhập. Ở đây là ba ngã cung tương tác với nhau. Ta cần kiếm tích lũy cho gia đình (điền) và ta có thu nhập (bào) tốt.

Mệnh phi Lộc nhập Điền, Điền tọa niên Kỵ: gia đình là trách nhiệm của ta khi gia đình cần thì ta sẽ cung ứng.

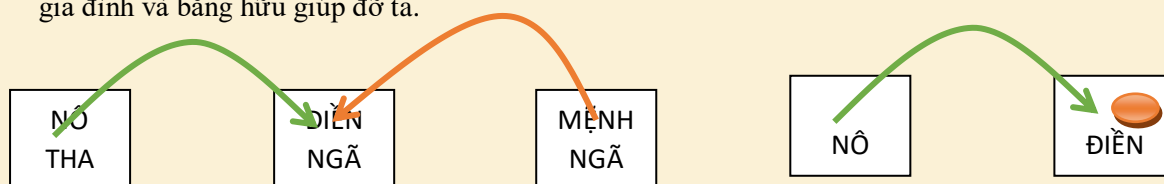


Khi cả ba cung đều là ngã cung thì ta hiểu mọi chuyện dù Lộc Kỵ cũng nằm trong tầm tay ta quản lý, cho nên đều là tốt đẹp dù biến hóa thế nào. Khi cả ba cung đều là tha cung thì cho dù tốt xấu cũng ít ảnh hưởng trực tiếp tới ta. Nếu ngã cung phi Kỵ nhập tha cung, là ta đang quan tâm chuyên chú vào điều đó. Nếu tha cung phi Kỵ nhập ngã cung, là người khác có rình rập lấy mát của ta điều gì đó.

2. Ngã cung mệnh phi Lộc nhập ngã cung Điền, tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Điền (đương nhiên trên cùng tinh diệu): ta tạo được gia sản và bằng hữu tới lấy của ta.

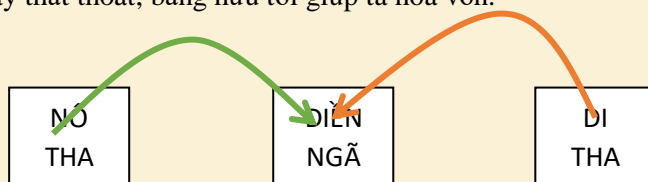


3. Tha cung nô hóa Lộc nhập ngã cung Điền, ngã cung Mệnh hóa Kỵ nhập ngã cung Điền: ta lo cho gia đình và bằng hữu giúp đỡ ta.

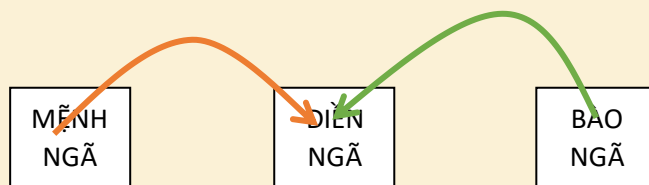


Nô hóa Lộc nhập Điền, Điền tọa niên Kỵ: gia đình là trách nhiệm của ta. Bằng hữu giúp ta khi túng thiếu.

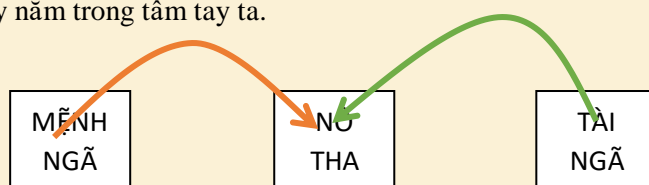
4. Tha cung Nô hóa Lộc nhập Ngã cung điền, Tha cung di hóa Kỵ nhập ngã cung Điền: ta làm ăn kém, ta quản lý kém gây thất thoát, bằng hữu tới giúp ta hòa vốn.



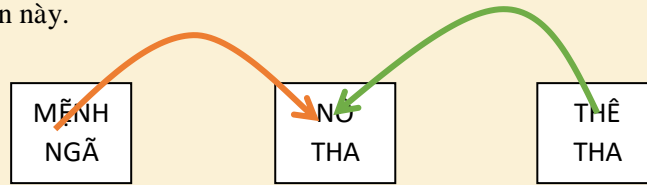
5. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập ngã cung Điền, ngã cung huynh đệ phi Lộc nhập ngã cung Điền: ta cần kiểm quản lý gia đình, ta có may mắn tăng tài Lộc.



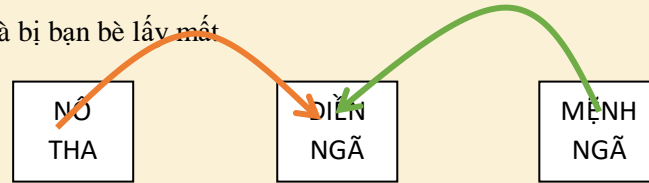
6. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập tha cung nô, ngã cung tài phi Lộc nhập tha cung Nô: ta mang tiền giúp bạn, khoản tiền này nằm trong tầm tay ta.



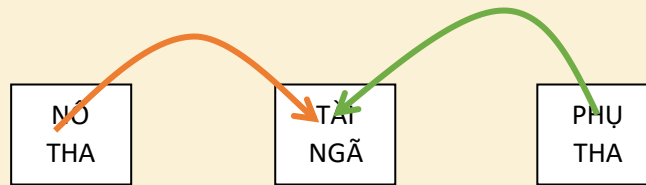
7. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập tha cung nô, tha cung thê phi Lộc nhập tha cung nô: ta giúp bạn, vợ ta ủng hộ ta trong chuyện này.



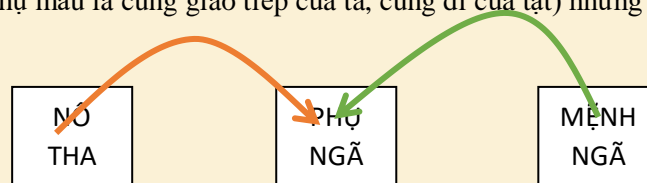
8. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Điền, ngã cung mệnh phi Lộc nhập ngã cung điền: ta lỏng lẻo quản lý tiền bạc tài sản và bị bạn bè lấy mất



9. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Tài và tha cung Phụ phi Lộc nhập ngã cung Tài: ta nhiều lần bị tiểu nhân hại nhưng phụ mẫu (bè trên nói chung) giúp đỡ ta vượt qua khó khăn.



10. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Phụ và ngã cung mệnh phi Lộc nhập tha cung Phụ: bằng hữu có thái độ xấu với ta (phụ mẫu là cung giao tiếp của ta, cung di của tật) nhưng ta luôn bỏ qua.



19. Luận lục thân

Lá số tử vi có 12 cung trong đó có 6 cung chủ nhân vật là: mệnh, bào, phụ thê, tử tức, giao hữu, phụ mẫu; có 2 cung chủ vật là: tài bạch và điền trạch; có 4 cung chủ sự việc là: sự nghiệp, thiên di, phúc đức, tật ách.

Lá số nguyên bản lập cực tại mệnh từ đó có 11 cung chức còn lại là: bào, phụ thê, tử tức, tài bạch, tật ách, thiên di, giao hữu, sự nghiệp, điền trạch, phúc đức, phụ mẫu. Tương tự như vậy nếu lập cực tại cung tật ách thì điền trạch là tài bạch của tật ách và bào là sự nghiệp của tật ách. Mệnh tài quan là tam phương chủ sự cấp quản thì điền tật bào là tam phương chủ sự thu tàng. Tài thu tàng về điền. Tài là tiền mặt thì điền là tài sản. Sự nghiệp thu về bào. Sự nghiệp là tính chất công việc thì bào là thành tựu hiện hữu (thấy được, kể được, gọi tên được) của sự nghiệp. Tương tự lập cực từ cung phụ mẫu thì cung giao hữu là sự nghiệp của phụ mẫu, cung tật ách là thiên di của phụ mẫu. Chúng ta có thể lập cực từ bất kỳ cung nào



nhưng mỗi lần lập cực thì lại càng xa rời ý nghĩa nguyên thủy. Ví dụ lá số nguyên bản lập cực tại mệnh, nếu lập cực tại cung phụ mẫu là một lần xa ý nghĩa nguyên thủy, sau đó lại lập cực từ cung tài bạch của phụ mẫu (tức là cung tử nữ nguyên thủy) là một lần nữa ra rời nguyên cực là cung mệnh nguyên thủy. Sau ba lần lập cực thì cung tử nữ của mệnh đã trở thành cung tài bạch của cung phụ mẫu của mệnh. Tất nhiên càng ra rời nguyên cực thì độ chính xác càng kém đi, đó là điều cần chú ý khi lập cực.

Cho nên khi tá bản luận lục thân (luận việc của người thân bằng lá số của mình) có khái niệm hồi quy thái cực. Ví dụ cung phụ mẫu là cung dậu. Nếu cung sửu Hóa Kỵ hoặc Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung hội xung cung tị, mà muốn luận khi lập cực tại phụ mẫu, thì sự ảnh hưởng từ phụ mẫu như sau sự nghiệp của phụ mẫu (cung sửu) Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung điền trạch của mệnh xung cung tử tức của điền. Cung phát động phi hóa luận theo cung của phụ mẫu (sự nghiệp của phụ mẫu), nhưng cung đón nhận phi hóa phải là cung tính theo mệnh nguyên thủy (điền và tử của mệnh nguyên thủy). Đó chính là tá bản luận lục thân.

Ngoài ra tượng ý của các cung cần đề ý như sau:

Cung huynh đệ chủ anh trai thứ nhất trong gia đình (trừ mình ra nếu mình là nam, thì người anh em trai lớn nhất trong số anh em trai còn lại là cung huynh đệ), từ cung đó tính ngược chiều kim đồng hồ lần lượt là các anh em trai trong gia đình.

Cung phụ mẫu chủ người chị em lớn nhất trong gia đình (trừ mình ra nếu mình là nữ). Từ đó tính thuận chiều kim đồng hồ lần lượt là các chị em gái trong nhà.

Cung huynh đệ còn chủ mẹ đẻ của mình, vì đó là cung thê của cung phụ mẫu. Cung phụ mẫu là cha đẻ của mình.

Cung huynh đệ còn là bố vợ hoặc bố chồng mình vì cung huynh đệ là cung phụ mẫu của phu thê.

Cung tử nữ là mẹ vợ hoặc mẹ chồng mình, vì đó là cung thê của cung bố vợ mình.

Cung tử nữ là con trai đầu của mình, cung tài bạch là con trai thứ hai. Cứ thế tính ngược chiều kim đồng hồ các con trai tiếp theo.

Cung huynh đệ là con gái đầu của mình, cung mệnh là con gái hai cứ thế đi thuận chiều kim đồng hồ các con gái tiếp theo.

Tương tự như vậy thì ông nội mình ở cung phúc đức (cung phụ mẫu của phụ mẫu mình). Bà nội mình tức thê của ông nội tức cung mệnh.

Bà ngoại mình tức mẹ của mẹ đẻ mình là cung phu thê (cung huynh đệ của huynh đệ mình tức cung mẹ của mẹ mình).

20. Cách xem vận

a. Cung vận:



Cách an đại vận: đại vận tính theo cục số, nhưng đại vận thứ nhất của Lương phái không an ở mệnh mà dùng cung phu thê làm Dụng kết hợp với lưu niên thái tuế trong đại vận đó để xem vận. Bạn có thể tham khảo cách an đại vận của Lương phái hoặc bạn có thể an đại vận ở mệnh bình thường như Nam phái và tứ hóa phái.

Cách an lưu niên thái tuế: vào năm nào thì lưu niên thái tuế đóng ở cung đó. Ví dụ năm Kỷ Hợi thì lưu niên thái tuế đóng ở cung hợi.

Cách an lưu nguyệt (vận tháng): cung dần của địa bàn là cung chức nào của nguyên bản thì cung chức đó của lưu niên thái tuế là tháng giêng của năm đó. Ví dụ cung dần của lá số nguyên bản là cung Tài Bạch thì năm Kỷ Hợi lưu niên thái tuế đóng cung hợi, như vậy cung tài bạch của cung hợi là cung mùi sẽ an tháng Giêng của năm hợi. Các tháng tiếp theo đi thuận, bắt kể nam nữ tuổi âm tuổi dương. Ví dụ trên, tháng hai sẽ là cung thân, tháng ba cung dậu, tháng tư cung tuất...

Cách an lưu nhật: tháng là quân, ngày là thần cho nên ngày 1 tháng đó sẽ an ở cung tiếp theo tính theo chiều thuận. Ví dụ tháng Giêng an ở cung mùi thì ngày 1 tháng Giêng an ở cung thân, tháng hai an ở cung thân thì ngày 1 tháng hai an ở cung dậu. Cứ thế đi thuận có mùng 2 mùng 3 mùng 4, ...

Cách an lưu thời: giờ Tý hàng ngày an tại cung an ngày đó, cứ thế đi thuận đến giờ hợi. Ví dụ ngày 3 tháng hai ở cung hợi thì giờ Tý ngày 3 tháng hai an tại cung hợi, giờ Sửu an cung tỵ, ...

Tứ hóa tượng của các vận:

Tứ hóa của nguyên bản là tứ hóa của năm sinh

Tứ hóa của đại vận là tứ hóa của can cung đại vận. Ví dụ sinh năm Đinh thì cung hợi là Tân Hợi. Đại vận đến cung hợi thì lấy can Tân để an tứ hóa đại vận.

Tứ hóa của vận một năm là tứ hóa của lưu niên thái tuế, ví dụ lưu niên thái tuế là Kỷ Hợi thì dùng can Kỷ của năm Kỷ Hợi để an tứ hóa lưu niên. Lưu ý rằng cung an lưu niên thái tuế chính là cung mệnh của lưu niên, tại cung đó có can cung riêng. Ví dụ năm Kỷ Hợi thì mệnh lưu niên đóng cung Hợi, cung hợi của tuổi Đinh Nhâm là Tân Hợi thì can Tân đó được dùng để tính tứ hóa của mệnh lưu niên Kỷ Hợi.

Tứ hóa của lưu nguyệt: tính theo can của tháng đó, ví dụ xem vận tháng Đinh Mão thì dùng can Đinh để phát động phi hóa của tháng đó. Mệnh tháng đóng tại mão, với tuổi Đinh Nhâm là cung quý mão, thì mệnh tháng lấy can quý để tính toán tứ hóa của mệnh tháng.

Tứ hóa của lưu nhật, lưu thời cũng tính toán theo nguyên tắc giống lưu niên lưu nguyệt.

Luận cát hung của đại vận

Trong đại vận đó ta có can cung đại vận, từ đó tính ra được tứ hóa đại vận. Ta có cung mệnh đại vận mới và 11 cung chức trong vận đó cũng thay đổi khi lập cục cung mệnh tại cung đại vận. Mọi công thức xuyên liên ta học phía trên có thể áp dụng ở đại vận, khi thay cung mệnh mới và các cung chức mới. Ví



dụ xem gia đạo hưng suy, ta dùng cung Điền đại vận làm thế, dùng cung Mệnh đại vận và Phúc đại vận và Di đại vận và niên Kỵ làm Dụng tính toán ra tổ hợp xuyên liên mới. Tổ hợp này cho biết sự hưng suy của gia đạo trong 10 năm đại vận đó. Nguyên bản có tổ hợp Xuyên Liên Thế Dụng nào thì đại vận có tổ hợp Xuyên Liên Thế Dụng đó.

Ngoài ra có thể xét tương tác cung đồng chức của đại vận với nguyên bản. Ví dụ xét tương tác phi hóa Lộc Kỵ của cung tài bạch đại vận với tài bạch nguyên bản, ở đây gọi là kích trên. Tức là từ tầng đại vận phi hóa kích lên tầng trên là nguyên bản. Dưới kích trên có ảnh hưởng nặng, trên xuống dưới không gọi là kích mà gọi là ứng. Ví dụ cung tài bạch đại vận phi Kỵ chuyển Kỵ xung tài bạch nguyên bản tọa cung dần có nghĩa là trong 10 năm đó có chuyện xấu về tài bạch thì đến lưu niên năm dần năm ngộ ứng nghiệm chuyện xấu đó. Bởi vì năm dần lưu niên mệnh nhập cung dần, năm ngộ lưu niên tài nhập cung dần. Đó gọi là kích trên ứng dưới của tứ hóa phái. Đây là cách xét đơn giản và là trường hợp riêng của Phi tinh khi chỉ xét tương tác phi hóa-cung.

Phi tinh tứ hóa xét tương tác tứ hóa của đại vận với tứ hóa của nguyên bản để xét đoán cát hung (tương tác phi hóa-phi hóa). Như phần trên đã giới thiệu, phi hóa là cánh tay nối dài của cung và có thể đại diện cho cung để tương tác. Ví dụ cung tài bạch đại vận Hóa Kỵ hoặc Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung thìn. Cung tài bạch nguyên bản cũng Hóa Kỵ hoặc Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung thìn hoặc cung tuất là có chuyện xấu về tài bạch bởi vì khi đó hai Kỵ của Tài bạch nguyên bản và Tài bạch đại vận gặp nhau ở trực thìn tuất, chính là đồng cung tương bách hoặc lưỡng đầu kiến Kỵ. Cần nắm vững giao Lộc, giao Kỵ và giao Lộc Kỵ (tức Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu) để xét đoán cát hung chính xác.

b. Tam bản thiên địa nhân

(Phiên bản nội bộ)

c. Kết nối tam bản đoán sự kiện

(Phiên bản nội bộ)

PHỤ LỤC TƯỢNG Ý

(Lưu ý: Bạn có nắm vững tâm pháp mà không nắm được các Tượng ý thì cũng KHÔNG BAO GIỜ luận được mệnh). Thiếu tâm pháp thì tượng ý chỉ là xác không có hồn. Thiếu tượng ý thì tâm pháp chỉ là hồn không có xác.

1. Lộc quyền khoa Kỵ

Hóa Lộc tượng ý là: phát sinh, có duyên, vui thích.

Hóa Quyền tượng ý là: tráng thịnh, quản lý, khống chế, thành tựu

Hóa Khoa tượng ý là: văn chất, lý trí và ôn hòa

Hóa Kỵ tượng ý là: kiêu tàng, chấp trước và ra sức



2. 18 tinh diệu

(phiên bản nội bộ)

3. Hóa Lộc năm sinh (niên Lộc)

a. Mệnh cung tọa sinh niên Lộc:

Mệnh cung chủ suy xét, tinh thần, tâm tình phản ứng, cũng là giao hữu Tật ách.

Sinh niên Lộc là có phúc bẩm sinh.

Lộc suy lý Tượng nghĩa: Sinh sôi, hữu duyên, vui sướng.

Mệnh cung tọa sinh niên Lộc, có suy xét linh hoạt, tinh thần thường tốt, người này lạc quan, thông tình đạt lý, suy nghĩ thông suốt. Giao tế quan hệ đương nhiên tốt (giao hữu Tật ách tọa Lộc).

b. Huynh đệ cung tọa sinh niên Lộc:

Huynh đệ cung chủ duyên huynh đệ, thành tựu sự nghiệp (sự nghiệp Tật ách luận sự nghiệp quy mô, Tài Bạch điền trạch luận tiền gửi ngân hàng), thể chất (là Tật ách của sự nghiệp luận sự may rủi cho thân thể)

Huynh đệ tọa sinh niên Lộc, biểu thị ta cùng với tình huynh đệ có duyên, huynh đệ thường cảm thông cho ta. Thành tựu sự nghiệp của ta có tín hiệu tốt, nếu nỗ lực phấn đấu dễ thành công, cho dù sự nghiệp đổ vỡ cũng dễ gây dựng lại, ta có thiên khiếu phát triển sự nghiệp, thể chất tốt.

c. Phu thê cung tọa sinh niên Lộc

Phu thê cung chủ phối ngẫu đích tình duyên, tình duyên với người khác phái, có phúc tài (là phúc đức của Tài Bạch), gia đạo nhất lục cộng tông (là điền trạch của Tật ách).

Phu thê cung tọa sinh niên Lộc, ta cùng với người phối ngẫu tình duyên nồng hậu, người phối ngẫu thông cảm và thấu hiểu cho ta. Ta có phúc duyên với người khác phái. Nếu phu thê cung cùng với tài cung xuyên liên đa Lộc quyền, lại có thiên tài tinh (Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh) giao nhau, dễ được người khác phái trợ giúp mà phát tài. Xuyên liên với điền trạch đa Lộc quyền thì gia đạo hưng thịnh.

d. Tử nữ cung tọa sinh niên Lộc:

Tử nữ cung chủ tử nữ tình duyên (văn bồi, thuộc hạ, cấp dưới), duyên hợp tác trong công việc làm ăn, khỏe mạnh (nói về năng lực tình dục).

Tử nữ cung tọa sinh niên Lộc, ta cùng với con cái có duyên lành, phẩm chất của con cái cũng tốt. Năng lực tình dục của ta tốt, nếu xuyên liên đi qua các sao đào hoa như Liêm Tham cần đề phòng phóng túng quá độ mà sinh bệnh.

e. Tài Bạch cung tọa sinh niên Lộc:

Tài Bạch cung chủ tiền mặt, cho biết cách thức kiếm tiền, trạng thái kiếm tiền dễ hay khó.

Tài Bạch tọa sinh niên Lộc, có duyên kiếm tiền mặt duyên hảo, suốt đời không thiếu tiền chi tiêu, kiếm tiền dễ dàng, thu nhập tốt. Luận về cách thức kiếm tiền cần xem thêm các thông tin phối hợp, không



thể chỉ dựa vào phi hóa đã võ đoán, nhưng dù sao tài bạch có sinh niên Lộc cũng là một dấu hiệu rất thuận lợi. Nhưng tài bạch không cho biết tài sản tích lũy mà chỉ cho biết thu nhập. Thu nhập cao chưa chắc đã tích lũy được nhiều. Tài sản tích lũy phải xem cung điền.

f. Tật ách cung tọa sinh niên Lộc:

Tật ách cung chủ thân thể (hình thể, khỏe mạnh, tật bệnh), gia đạo nhất lục cộng tông (điền trạch sự nghiệp), nơi công tác (sự nghiệp điền trạch), ở chung (tiếp xúc trên thân thể).

Tật ách tọa sinh niên Lộc, thân thể hữu phúc, thân thể khỏe mạnh có da có thịt chứ không gầy còm xanh xao. Gia vận tốt (cung tật là khí số vị của cung điền). Nơi công tác rộng rãi thoải mái. Tâm tính tốt, tật là cung giao hữu của phúc thể hiện sự giao tiếp bằng cảm xúc, sự thông cảm và lòng trắc ẩn đối với người khác.

g. Thiên di tọa sinh niên Lộc:

Thiên di cung chủ xã hội gặp gỡ, năng lực xử thế ứng đối, sự di chuyển đi lại.

Thiên di cung tọa sinh niên Lộc, giao tiếp xã hội tốt, ra ngoài thường gặp quý nhân. Xử thế không câu nệ cố chấp, thích hợp quan hệ xã hội, có vẻ bề ngoài thân thiện lịch sự. Nếu thiên di xuyên liên với Tật và Điền hợp trình nhiều Lộc Quyền là người thường xuyên di chuyển đi lại, đi xa và đi lâu. Nếu Thiên Di với Tử nữ và Phụ mẫu xuyên liên thì lại là đi lại nhanh chóng rồi quay về, hành trình đi lại cũng không xa. Tử nữ là thiên di của điền trạch, còn Phụ mẫu là thiên di của tật ách chủ cơ thể, cả hai cung đều có hàm ý là bên ngoài. Bản Tật hay Điền bị xuyên liên cùng di thì đương nhiên sự đi lại nghiêm trọng hơn cho nên di chuyển đi lại nhiều xa và lâu.

h. Giao hữu tọa sinh niên Lộc:

Giao hữu cung chủ duyên giao tế gặp gỡ, thi cử cạnh tranh (cung quan của phụ mẫu, phụ mẫu chủ danh hiệu bằng cấp giải thưởng), cũng chủ sự làm việc thiện tích phúc đức (là phúc đức của điền trạch là là điền trạch của phúc đức tức nơi tích phúc, kho tàng của phúc đức).

Giao hữu tọa sinh niên Lộc, nhân duyên hảo, thường có bạn tốt, cạnh tranh thi đấu dễ thắng cuộc hơn người có cung Giao hữu xấu. Mặt khác cũng là người chịu khó hành thiện tích phúc. Tất cả các lãnh tụ cách mạng quần chúng đều có cung Giao hữu tốt, ví dụ như Grandhi hay Tôn Dật Tiên.

i. Sự nghiệp cung tọa sinh niên Lộc:

Sự nghiệp cung chủ trạng thái làm việc, phương thức kiếm tiền, vận khí.

Sự nghiệp tọa sinh niên Lộc, trạng thái làm việc rất thuận lợi trôi chảy. Xem cụ thể cách thức kiếm tiền cần lưu ý tham khảo các thông tin khác trên lá số mới có thể dự đoán chính xác. Nhưng dù sao có niên Lộc ở cung sự nghiệp tất nhiên công việc thuận lợi. Nhưng có thành tựu hay không phải xem tam phương điền tật bào là các cung thành quả của đời người, đặc biệt bào là cung sự nghiệp của tật ách cho biết trực tiếp thành tựu sự nghiệp.



j. Điền trạch cung tọa sinh niên Lộc:

Điền trạch cung chủ gia đình, tài sản, hoàn cảnh sinh hoạt.

Điền trạch tọa sinh niên Lộc, không khí gia đình đầm ấm vui vẻ hòa thuận. Kinh tế thu nhập chi tiêu của gia đình cũng tốt. Hoàn cảnh sinh hoạt cũng tốt.

k. Phúc đức cung tọa sinh niên Lộc:

Phúc đức cung (năm chữ Linh trong thần linh) chủ tinh thần linh tính linh mẫn của đời người, chủ đam mê tinh thần, năng lực xử thế EQ, cũng cho biết mệnh chủ thích cái gì thích điều gì. Phúc đức là tổng hợp của thiên thiên phúc và hậu thiên đức. Đức là việc tốt mình làm hàng ngày, về sau đức sẽ chuyển thành phúc. Phúc khí vô hình này có thể bảo vệ bản thân mình, và truyền đời cho con cháu mình. Còn việc tốt (Đức) là chuyện hữu hình chỉ có thể kể lại chứ không thể truyền như phúc khí.

Phúc đức tọa sinh niên Lộc, tinh thần thường an lạc vui vẻ, không câu nệ chấp nhất, nhưng dễ ham hưởng lạc, dễ úi xui và không phù hợp với những công việc đòi hỏi tỉ mỉ chính xác. Tuy nhiên phúc dày thì hay gặp may mắn vô hình, gặp sự cố thường có quý nhân giúp đỡ.

l. Phụ mẫu cung tọa sinh niên Lộc:

Phụ mẫu cung chủ phụ mẫu tình duyên (trưởng bối, thủ trưởng, người già), đọc sách bằng cấp học tập, trí thông minh IQ, chủ việc giao dịch tài chính với bạn bè với người khác (vì phụ mẫu là cung Giao hữu của Tài bạch).

Phụ mẫu tọa sinh niên Lộc, có duyên tốt với người lớn tuổi hoặc cấp trên. Thông minh ham học may mắn trong học hành thi cử. Có duyên giao dịch tiền mặt với người khác nên có thể làm nghề cho vay, làm tín dụng.

4. Hóa Quyền năm sinh (niên Quyền)

a. Mệnh cung tọa sinh niên quyền:

Mệnh cung chủ suy xét, tinh thần, tâm tình phản ứng vị, cũng là giao hữu Tật ách.

Sinh niên quyền là bẩm sinh có sức lực, có nghị lực, có chí khí. Thiếu Hóa Quyền thì nhiều Hóa Lộc cũng chỉ là phù phiếm lạc quan tếu mà thiếu nghị lực và ý chí vượt khó để đi đến thành công.

Quyền suy lý Tượng nghĩa: Tráng thịnh (POWER), năng lực quản lý và thu tóm, thành tựu.

Thái độ là tích cực, nghị lực kiên cường, nhưng đề phòng thái quá thành thô bạo.

Mệnh cung tọa sinh niên quyền, ý chí mạnh mẽ nên đầy tự tin, có chủ kiến, có năng lực, bởi vậy dễ dàng chủ quan kiêu ngạo. Cần đề phòng tính cách kiêu ngạo, luôn tự cho mình là đúng, tự cao tự đại, thiếu khiêm tốn và tinh thần cầu thị học hỏi, hay áp đặt lên người khác.

b. Huynh đệ cung tọa sinh niên quyền:

Huynh đệ cung chủ tình duyên với anh em, thành tựu sự nghiệp (sự nghiệp Tật ách luận quy mô thành tựu hữu hình của sự nghiệp ví dụ như sáng tạo ra bóng đèn sáng tạo ra điện thoại đánh đuổi giặc



ngoại xâm, thành tựu sự nghiệp này là hữu hình và có thể gọi tên kể chuyện được chứ không vô hình chủ khuynh hướng năng khiếu như cung sự nghiệp, là cung Tài Bạch của điền trạch nên có thể luận thực lực kinh tế rồi tiền gửi ngân hàng), luận thể chất (Tật ách sự nghiệp luận thân thể khí số vị).

Huynh đệ cũng là cung thành tựu sự nghiệp, Hóa Quyền cũng chủ thành tựu, cho nên gặp nhau càng rõ nét.

Huynh đệ cung tọa sinh niên quyền, huynh đệ có tự tin, có chủ kiến, tích cực trong sự nghiệp.

Mệnh chủ là người có thành tựu sự nghiệp, về kinh tế thu nhập cũng rất thành công, nếu sự nghiệp có thất bại thì cũng dễ dàng tái khởi nghiệp.

Thể chất tốt, nhưng nếu xuyên liên với đào hoa tinh như Tham Lang hóa Quyền thì thân khí khỏe mạnh, có thể là người hào sảng cũng có thể không (chỗ này cần thêm thông tin mới có thể kết luận).

c. Phu thê cung tọa sinh niên quyền:

Phu thê cung chủ tình duyên với người phối ngẫu, tình duyên với người khác phái, có may mắn về tiền bạc (phúc đức Tài Bạch), gia đạo nhất lục cộng tông (điền trạch Tật ách).

Phu thê cung tọa sinh niên quyền, phối ngẫu có tự tin, có chủ kiến.

Ta cũng có duyên nhờ người khác phái mà được việc. Hóa Quyền tọa phu thê đương nhiên chiếu cung Sự nghiệp hàm ý sự nghiệp cũng dễ phát triển và có thành tựu. Nếu xuyên liên với những cung chủ tài đi qua thiên tài tinh (Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh) hợp trình đa Lộc Quyền thì dễ được vợ chồng giúp hoặc người khác phái giúp đỡ mà phát tài.

d. Tử nữ cung tọa sinh niên quyền:

Tử nữ cung tọa sinh niên quyền, con cái ta có ý chí có tự tin, dễ thành công sự nghiệp, có chủ kiến, nhưng hơi bướng và khó bảo.

Khỏe mạnh (Nếu đắc hoa đào tinh tọa quyền, là sinh dục khỏe, đề phòng phóng túng ăn chơi quá độ).

e. Tài Bạch cung tọa sinh niên quyền:

Tài Bạch tọa sinh niên quyền, có thu nhập tốt, có kỹ năng chuyên nghiệp, dễ làm chuyên môn để kiếm tiền.

Tiền mặt khi có có nhiều, khi tiêu tiêu nhiều, đề phòng tiêu pha quá độ mà mất cân đối thu chi.

f. Tật ách cung tọa sinh niên quyền:

Tật ách tọa sinh niên quyền, thân thể khỏe mạnh có sức sống, ưa vận động, tật ách có Hóa Quyền khi phát bệnh sẽ phát rất nhanh. Gia vận tốt vì cung tật là khí số vị của cung Điền. Nơi công tác rộng rãi sáng sủa nhưng có nhiều áp lực.

g. Thiên di cung tọa sinh niên quyền:

Thiên di cung tọa sinh niên quyền, năng lực quan sát tốt, hành sự quả quyết, tính cách quyết đoán. Có uy tín và được xã hội tin phục ủng hộ.



Xuất ngoại hay gặp quý nhân. Năng lực xử thế tốt, thích hợp khai sáng dẫn đầu, phù hợp với công việc lãnh đạo tạo dựng. Hội thêm Hóa Lộc thì xử thế không câu nệ và cũng bớt nghiêm túc lạnh lùng.

Hay phải di chuyển đi lại. Đi gần hay xa đi lâu hay mau cách xem giống như mục thiên di tọa sinh niên Lộc.

h. Giao hữu tọa sinh niên quyền:

Hay giao lưu đi lại với người có chức có quyền. Có năng lực cạnh tranh tốt. Làm việc thiện tích đức rất hăng hái năng nổ.

i. Sự nghiệp cung tọa sinh niên quyền:

Sự nghiệp tọa sinh niên quyền, năng lực làm việc cường, dễ thành công. Là người tích cực sáng tạo trong công việc. Có năng lực quản lý chỉ đạo tốt. Dễ là người làm việc có chuyên môn sâu. Có duyên làm việc với các cơ quan công quyền hành chính pháp lý.

j. Điền trạch cung tọa sinh niên quyền:

Điền trạch tọa sinh niên quyền, dễ có thành tựu tài sản nhờ quyền lực. Bản thân có ý thức tích cực xây dựng gia sản, xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái. Thường là người chủ gia đình hoặc người có tiếng nói trong gia đình.

k. Phúc đức cung tọa sinh niên quyền:

Phúc đức tọa sinh niên quyền, tinh thần ý chí mạnh mẽ, cho nên cá tính hiếu thắng, tính áp đặt cao. Dễ xa xỉ lãng phí vì xung tài bạch. Gặp phụ mẫu, thiên di phi hóa Lộc tới thì thích phô trương khoe khoang phù phiếm.

l. Phụ mẫu cung tọa sinh niên quyền:

Phụ mẫu tọa sinh niên quyền, cha mẹ là người mạnh mẽ, có chức quyền, có uy tín và địa vị xã hội. Vì cung phụ mẫu chủ học hành thi cử bằng cấp cho nên mệnh chủ khá thông minh nghị lực, giỏi các môn khoa học tự nhiên. Nếu có thêm hóa Lộc dễ cùng người giao dịch tiền bạc, có thể làm tín dụng công. Cung phụ mẫu cũng là uy tín xã hội của người đó. Phụ mẫu Hóa Quyền cũng có hàm ý người này có uy tín xã hội nhưng dễ kiêu căng tự đắc. Khi thi cử đề phòng sai sót do chủ quan. Hành xử với người lớn tuổi có thể bị hiểu nhầm là vô lễ.

Hóa Khoa năm sinh (niên Khoa)

a. Mệnh cung tọa sinh niên khoa:

Sinh niên khoa bản chất là hài hòa, là khéo thu xếp.

Khoa suy lý Tượng nghĩa: Văn chất, lý trí, hòa hoãn.

Thái độ của Hóa Khoa là dĩ hòa vi quý không muốn mất lòng ai, thiếu quả quyết rạch ròi.

Mệnh cung tọa sinh niên khoa, làm gì cũng suy xét, tính cách ôn hòa, biểu hiện nho nhã thanh tú, tâm khí bình hòa.



b. Huynh đệ cung tọa sinh niên khoa:

Huynh đệ tọa sinh niên khoa, biểu thị huynh đệ văn chất ôn hòa thanh tú.

Sự nghiệp bình ổn. Đời sống vật chất cơm gạo mắm. Điền trạch tam phương luận điều kiện đời sống vật chất với thái độ.

Thể chất trung bình, sinh bệnh thì gặp thầy gặp thuốc, Khoa tuy là quý nhân nhưng quý nhân này có bệnh mới giúp chữa trị. Khác với Hóa Khoa, quý nhân kiểu Hóa Lộc thì may mắn hơn, thường là tránh được tai họa từ ban đầu.

c. Phu thê cung tọa sinh niên khoa:

Phu thê cung tọa sinh niên khoa, người phối ngẫu của ta văn chất ôn hòa thanh tú. Lý trí tâm tư tình cảm đều bình ổn, ít khi mãnh liệt cuồng xé, nếu hội thêm Lộc thì lãng mạn.

d. Tử nữ cung tọa sinh niên khoa:

Tử nữ cung tọa sinh niên khoa, con cái ta có tính cách ôn hòa thanh tú, lợi việc học tập thi cử bằng cấp. Bản thân ta cũng khó dính vào những chuyện tình ái ong bướm bên ngoài.

e. Tài Bạch cung tọa sinh niên khoa:

Tài Bạch tọa sinh niên khoa, thu nhập thường thường bậc trung, liêu cơm gạo mắm. Thường là người kiếm tiền bằng văn hóa tri thức.

f. Tật ách cung tọa sinh niên khoa:

Tật ách cung chủ thân thể (hình thể, khỏe mạnh, tật bệnh), gia đạo nhất lục cộng tông (điền trạch sự nghiệp), nơi công tác (sự nghiệp điền trạch), ở chung (tiếp xúc trên thân thể).

Tật ách tọa sinh niên khoa, vóc người trung bình không quá cao không quá thấp. Gặp bệnh thì hay gặp thầy gặp thuốc. Ghi nhớ rằng Khoa tuy có năng lực giải họa nhưng là năng lực giải cứu khi đã xảy ra chuyện.

g. Thiên di cung tọa sinh niên khoa:

Thiên di cung tọa sinh niên khoa, ra ngoài dễ gặp quý nhân, có danh tiếng xã hội.

Xử thế ứng đối thái độ ôn hòa khiêm cung lễ độ. Thoạt nhìn là có khí chất, cử chỉ nho nhã.

h. Giao hữu cung tọa sinh niên khoa:

Giao hữu tọa sinh niên khoa, bạn bè giao lưu nhiều người thuộc giới tri thức khoa học. Bản thân cũng thích giao lưu với những người như vậy. Cung giao hữu chủ sự cạnh tranh, có Hóa Khoa sức cạnh tranh không cao.

i. Sự nghiệp cung tọa sinh niên khoa:

Sự nghiệp tọa sinh niên khoa, tính chất công tác bình ổn. Dễ làm công ăn lương. Làm công việc có chuyên môn.

j. Điền trạch cung tọa sinh niên khoa:



Điền trách tọa sinh niên khoa, mệnh chủ để sinh ra ở gia tộc có truyền thống học hành, bản thân mệnh chủ về sau cũng dễ có thành tựu cuộc đời về khoa học nghệ thuật. Quan hệ đối xử trong gia đình hài hòa hạnh phúc. Kinh tế gia đình bình thường, chi tiêu liệu cơm gạo mắm.

k. Phúc đức cung tọa sinh niên khoa:

Phúc đức tọa sinh niên khoa, coi trọng đời sống tinh thần tâm linh, là người không màng danh lợi, suy nghĩ nhẹ nhàng thanh thản, không ham lợi ích vật chất. Ưu những công việc nhàn nhã ổn định, ít cạnh tranh.

l. Phụ mẫu cung tọa sinh niên khoa:

Phụ mẫu tọa sinh niên khoa, phụ mẫu văn chất ôn hòa thanh tú. Bản thân là người có tu dưỡng, khí chất tốt, giao tiếp ôn hòa, thi cử thuận lợi, có duyên với bằng cấp.

5. Hóa Ky năm sinh (niên Ky)

a. Mệnh cung tọa sinh niên Ky:

Mệnh cung chủ suy xét, tinh thần, tâm tình phản ứng, cũng là cung Giao hữu của Tật ách.

Sinh niên Ky ở đâu thì trách nhiệm nghĩa vụ duyên nợ của ta nằm ở đó.

Ky suy lý Tượng nghĩa: Liễm tàng, chấp nhất, nỗ lực.

Ky thái độ là chuyên chú, dễ dẫn phát ngữ độc (Tham, sân, si, nghi, mạn).

Cách các để giảm bớt tác động xấu của Ky: Thả lỏng, từ bi hi xả, bỏ thói tạo phúc, mở rộng cái nhìn từ nhiều phía để tránh thiên kiến, cực đoan.

Mệnh cung tọa sinh niên Ky, cách suy nghĩ máy móc cứng nhắc, cố chấp, sẵn sàng xúc phạm người khác khi không vừa ý. Tính cách như vậy cho nên đương nhiên cô độc lẻ loi, ít người cảm thông và thấu hiểu, thậm chí dễ gây thù chuốc oán không đáng có vào thân. (mệnh là cung giao hữu của Tật ách lại tọa Ky).

b. Huynh đệ cung tọa sinh niên Ky:

Huynh đệ tọa sinh niên Ky, biểu thị ta cùng với anh em duyên mỏng, anh em ta không cảm thông với ta. Mặc dù ta nỗ lực phấn đấu nhưng sự nghiệp gian nan, thu nhập kinh tế dù giàu nghèo cũng đều khó khăn (cần xem Lộc Quyền phi hóa mới biết được cụ thể chính xác thành tựu cao thấp). Về sức khỏe (bởi vì huynh đệ là cung khí số vị của tật ách) nếu Xuyên Liên đi qua Tham Lang hoặc Liễm Trinh hợp trình nhiều Ky thì sức khỏe sinh lý khá kém, thậm chí yếu.

c. Phu thê cung tọa sinh niên Ky

Phu thê cung tọa sinh niên Ky, ta duyên mỏng với người phối ngẫu, ta với người phối ngẫu nặng về trách nhiệm và nghĩa vụ hơn là yêu thương, người phối ngẫu thường giữ tâm sự riêng và ít khi chia sẻ tâm tư tình cảm với ta. Ta đối với người khác phái nói chung cũng vô duyên. Ta dễ vì tình cảm mà ảnh hưởng sự nghiệp (Hóa Ky tọa phu thê xung cung Sự nghiệp). Gia vận của ta cũng dễ suy kém khó khăn.



d. Tử nữ cung tọa sinh niên Ky:

Tử nữ cung tọa sinh niên Ky, ta cùng với con cái duyên mỏng tình sơ, con cái là nợ của ta, con cái tuy không thân với ta tuy không thông cảm với ta nhưng ta lại có trách nhiệm phải chăm lo cho chúng. Phẩm chất và thành tựu của con cái cũng không cao. Xét về đào hoa và gia đạo, Hóa Ky tọa Tử nữ có thể xung phá điền trạch làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới gia đạo. Sinh hoạt và không khí gia đình cũng không được tốt. Đời sống gia đình dễ gò bó, cần kiệm, bản thân cũng không có dư dả vốn liếng.

e. Tài Bạch cung tọa sinh niên Ky:

Tài Bạch tọa sinh niên Ky, vô duyên với tiền mặt, kiếm tiền khổ cực ảnh hưởng tới tinh thần (xung Phúc đức). Hay phải mắc nợ, đầu tư sử dụng đồng tiền thường mắc sai lầm. Chuyện kiếm tiền và giàu nghèo cần xem thêm các thông tin khác trên lá số, nhưng cơ bản là người này gian nan chuyện kiếm tiền và dùng tiền. Nếu xuyên liên hợp trình nhiều Lộc Quyền thì cũng có thể giàu có. Hóa Ky tọa Tài bạch còn có hàm ý tín dụng đen.

f. Tật ách cung tọa sinh niên Ky:

1. Tật ách tọa sinh niên Ky, là cơ thể dễ có khuyết tật, sẽ phải lao碌, không được rảnh rỗi nhàn hạ.
2. Nên an phận gìn giữ cái đã có. Ưu nội liêm.
3. Nếu có thêm Hóa Quyền thì tham công tiếc việc
4. Kiêm thêm chức vụ, làm tăng ca. Nữ mệnh cũng là người thích hoạt động và công tác.
5. Không dễ béo phì, nếu béo là phải đề phòng có bệnh.
6. Mệnh cách xấu thì phải đề phòng bệnh mạn tính, nên duy trì vận động thân thể.
7. Có tính lui mà không nghỉ, rảnh rỗi dễ sinh bệnh.
8. Có xu hướng ích kỷ, không thích hợp ở chung với người khác (như sinh viên ở trọ), ít quan tâm tới cảm xúc của người khác (Tật ách là cung giao hữu của phúc đức). Điền trạch tam phương đa tọa Ky xung giao hữu tam phương, về cá tính thì người đó có xu hướng khép mình ích kỷ, không muốn giao lưu chia sẻ tình cảm tâm tư với người khác.
9. Phù hợp với người tu hành. Nhất là khi Mệnh Tật Phúc xuyên liên hợp trình nhiều Lộc tụ cung Tật ách (lá số Dalai Lama)

g. Thiên di cung tọa sinh niên Ky:

Thiên di cung tọa sinh niên Ky, giao tiếp xã hội thường gặp hiểu lầm, xuất ngoại hay trở ngại, khó gặp được quý nhân, trời không chiều ý người. Năng lực xử thế kém, ngay thẳng bộc trực nhưng dễ làm mất lòng người khác. Dịch mã động nhưng là bồn ba lao碌. Nếu xuyên liên với Tật Điền thì đi xa và đi lâu. Nếu xuyên liên với tử phụ thì đi ngắn và đi nhanh.



h. Giao hữu tọa sinh niên Ky:

Giao hữu tọa sinh niên Ky, mắc nợ ân tình cũng như tài vật với bạn bè, thường vì bạn bè mà bị liên lụy. Năng lực cạnh tranh kém. Xét về tích đức hành thiện thì mệnh chủ sẽ phải ra sức hành thiện tích đức mới có thể trả bớt món nợ duyên nghiệp này.

i. Sự nghiệp cung tọa sinh niên Ky:

Sự nghiệp tọa sinh niên Ky, thái độ quan điểm cho rằng công tác là trách nhiệm của ta, cho nên ta thường thường việc phải tự làm. Thường thời gian làm việc dài, áp lực công việc lớn, hoặc công việc cần tỉ mỉ chi tiết, có độ khó cao. Tuy nhiên Ky còn là kỳ lạ, cho nên nếu cung Sự nghiệp tốt, mệnh chủ có thể là người có tài hoa đặc biệt.

j. Điền trạch cung tọa sinh niên Ky:

Điền trạch tọa sinh niên Ky, gia đình là trách nhiệm của ta, ta dễ là con trưởng, ta phải vì gia đình mà nỗ lực. Duyên với gia đình không tốt. Kinh tế gia đình không dư dả. Hoàn cảnh sinh hoạt không tốt. Phòng ở tối và ẩm thấp, bé khí.

k. Phúc đức cung tọa sinh niên Ky:

Phúc đức tọa sinh niên Ky, dễ khởi tâm phiền não, thường nghi ngờ, hay soi mói tọc mạch, rất khó tùy duyên tự tại. Tinh thần dễ buồn bực không vui. Nếu cách cục xấu dễ bị trầm cảm. Tính cách khá cục đơan nhưng quyết liệt. Thường vì cố chấp theo cảm xúc mà ảnh hưởng chuyện kinh tế tiền bạc. Ví dụ không hợp tác vì không thích. Hay như cố tình đầu tư vì thích. Cảm giác của bản thân luôn là trời không chiều lòng người.

l. Phụ mẫu cung tọa sinh niên Ky:

Phụ mẫu tọa sinh niên Ky, mang nợ với phụ mẫu, vì phụ mẫu phải ra sức nỗ lực. Vô duyên với cấp trên và trường bối. Có thể có hiểu với cha mẹ nhưng lại không giỏi thể hiện. Phải cẩn thận trong công văn giấy tờ kế ước. Không thích hợp giao dịch tiền tài cùng người khác, không phù hợp với nghề tín dụng. Về bề ngoài dễ nghiêm túc. Phụ mẫu là thiên di của tật ách (thể hiện sắc mặt).

Mệnh phi Lộc (mệnh Lộc)

a. Mệnh cung hóa Lộc nhập huynh đệ cung:

Ta cùng với huynh đệ hoặc cùng mẹ ta có duyên tốt đẹp. Ta thông qua học tập và nỗ lực mà sự nghiệp dễ dàng thành công, kinh tế linh hoạt. Ta thông qua rèn luyện làm cho thể chất của ta khỏe mạnh (nếu là Tham Lang hoặc Liêm Trinh đào hoa tinh hóa Lộc, tất nhiên công năng của thận rất tốt, và ta cũng có tín hiệu đa tình).

b. Mệnh cung hóa Lộc nhập phu thê cung:

Ta cùng với phối ngẫu có duyên lành. Ta đối với người khác phải là đa tình. Nếu là xuyên liên đi qua Liêm Trinh, Tham Lang nhiều Lộc, thì dễ lãng mạn đa tình. Phu thê là cung phúc của tài bạch nên ta



có phúc tài hỗ trợ sự nghiệp thuận lợi, sau khi kết hôn sự nghiệp thuận lợi. Nếu xuyên liên với cung tài có nhiều Lộc Quyền, lại có thiên tài tinh (Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh) giao hội, dễ được người khác phái trợ giúp mà phát tài. Xuyên liên với Điền Trạch nhiều Lộc Kỳ, dễ hưng gia vận.

c. Mệnh cung hóa Lộc nhập tử nữ cung:

Lòng, tinh thần, suy nghĩ tìm niềm vui ở tử nữ, mà ta cũng thu được hạnh phúc từ tử nữ. Ta cùng với tử nữ duyên hậu, đối với con cái giáo dục khoan dung, dễ cung chiều con cái. Ta có duyên giao tiếp, giao dịch dễ thành công. Ta khỏe mạnh (nếu đắc hoa đào tinh tọa Lộc, thì công năng thận mạnh, đề phòng phóng dục quá độ).

d. Mệnh cung hóa Lộc nhập Tài Bạch cung:

Tài Bạch cung chủ tiền mặt (tiền mặt có trong tay), nghề mang lại tiền mặt (mệnh tam phương là cấp quản tam phương), kiểm tiền trạng thái (khổ cực hoặc dễ dàng). Ta có duyên với tiền mặt, kiểm tiền dễ dàng, có thu nhập tốt, thích hợp làm việc với tiền mặt hoặc thu nhập từ kiếm lãi hoa hồng. Xem kiểm tiền cần chú ý đến cả tinh diệu, phối hợp và phân tích với các cung vị liên quan chuyện tiền bạc, không thể chỉ từ một phi hóa mà trực tiếp kết luận. Mệnh cung hóa Lộc tất nhiên có duyên, và thuận lợi, nhưng để xem kết quả là có giàu hay không thì cần phải luận xuyên liên cách cục liên quan.

e. Mệnh cung hóa Lộc nhập Tật ách cung:

Tật ách cung chủ thân thể (hình thể, khỏe mạnh, tật bệnh), nơi công tác (sự nghiệp điền trạch), ở chung (tiếp xúc trên thân thể). Ta làm cho cơ thể của ta khỏe mạnh, ít bệnh tật, có bệnh sẽ may mắn gặp thầy gặp thuốc mà qua khỏi, thân thể có da có thịt chứ không gầy gò, nhưng không thích bị vất vả nặng nhọc, cho nên tương đối lười, không thường vận động. Ta thích nơi công tác rộng rãi thoáng mát (cung vị điền trạch của Sự nghiệp). Ta làm cho cảm xúc của ta thường tốt, bạn bè ở chung với ta cảm thấy dễ chịu thoải mái (Tật ách là giao hữu phúc đức).

f. Mệnh cung hóa Lộc nhập thiên di cung: (Lộc xuất)

Thiên di cung chủ xã hội gặp gỡ, xử thế ứng đối năng lực, dịch mã duyên. Lòng, tinh thần, suy nghĩ hiện ra ở ngoài, cho nên ta có vẻ ngoài giao tiếp thân thiện, tính cách lạc quan tươi sáng, cho nên khả năng giao tiếp xã hội của ta rất tốt, ra ngoài hay gặp quý nhân. Xử thế ứng đối năng lực không câu nệ, thích hợp những nghề nghiệp quan hệ xã hội. Thái độ làm người thân thiện không câu nệ. Dịch mã duyên động cùng với điền trạch, tật ách xuyên liên nhiều Lộc Quyền thì hay có duyên phải đi xa và đi xa lâu. Cùng với tử nữ, phụ mẫu xuyên liên nhiều Lộc Quyền, là đi lại trong khoảng cách gần hoặc đi trong thời gian ngắn là về.

g. Mệnh cung hóa Lộc nhập giao hữu cung:

Giao hữu cung chủ gặp gỡ duyên phận, chủ cạnh tranh thi cử, làm việc thiện tích đức (phúc đức điền trạch). Ta giao tế đậm tình người, bởi vậy nhân duyên tốt, thường có nhiều bạn tốt. Dễ cạnh tranh đắc lực. Làm việc công đức dễ thành công.



h. Mệnh cung hóa Lộc nhập sự nghiệp cung:

Sự nghiệp cung chủ trạng thái làm việc, nghề kiếm tiền, và vận khí. Ta có cách xử lý công việc rất linh hoạt cho nên công việc dễ trôi chảy như ý. Lộc là khoan dung, cho nên ta không phải là người xét nét cầu kỳ kỹ lưỡng trong công việc, cho nên ta thường không phải là chuyên gia cũng như các nghề nhân chuyên sâu. Cung sự nghiệp là khí số vị cho nên vận khí của ta thường tốt. Xem các công việc kiếm tiền cần phải phối hợp với các tinh diệu và cung vị liên quan chứ không thể từ một phi hóa đơn giản đã kết luận. Mệnh cung hóa Lộc nhập sự nghiệp cung đương nhiên là công việc có tượng ý trôi chảy thuận lợi, nhưng kết quả thành công cao thấp nhiều ít ra sao thì cần luận cách cục xuyên liên với các cung vị khác.

i. Mệnh cung hóa Lộc nhập điền trạch cung:

Điền trạch cung chủ gia đình, tài sản, hoàn cảnh sinh hoạt. Ta cùng với người nhà tình duyên nông hậu. Gia đình duyên tốt, gia đình hoà thuận vui vẻ. Ta làm cho gia đình của ta dần dần thịnh vượng, kinh tế gia đình phát triển, hoàn cảnh sinh hoạt đầy đủ.

j. Mệnh cung hóa Lộc nhập phúc đức cung:

Phúc đức cung chủ tinh thần linh tính tư duy, hứng thú ham mê hưởng thụ, Tiên Thiên chi có phúc và Hậu Thiên chi đức. Ta có tư tưởng khoan dung lạc quan cho nên có chủ ý là tùy duyên tự tại, coi mọi sự nhẹ nhàng, rất dễ mãn nguyện. Tinh thần của ta thường tốt. Ta là người phúc hậu, thường tâm tương sự thành, mọi sự thường được như ý nguyện, trời cũng chiều người.

k. Mệnh cung hóa Lộc nhập phụ mẫu cung:

Phụ mẫu cung chủ phụ mẫu tình duyên (trưởng bối, thủ trưởng, người già), chuyện đọc sách bằng cấp học tập (IQ, tri thức), mối quan hệ tiền bạc với người khác (giao hữu Tài Bạch). Ta cùng với trưởng bối có duyên, dễ trò chuyện với nhau. Ta có trí thông minh, lại ham đọc sách nhiều chủng loại nhiều lĩnh vực, chứ không thích chuyên nhất một lĩnh vực. Dễ tham gia vay mượn tiền bạc, cho nên có thể làm nghề cho vay tiền, làm nghề liên quan đến cho vay tín dụng, bóc lột họ.

6. Mệnh phi Kỵ (mệnh Kỵ)

a. Cung Mệnh phi hóa Kỵ

Mệnh cung hóa Kỵ nhập B cung, có thể dùng một câu giải thích như sau: ta để ý tới B cung (người, sự và vật), mà ta nguyện ý vì B cung nỗ lực. Mệnh cung là của ta tâm, tinh thần, suy nghĩ, hóa Kỵ biểu thị ta sẽ chuyên tâm chú trọng ở nơi nào. Sinh niên Kỵ là trách nhiệm và nghĩa vụ bẩm sinh của ta, còn mệnh cung hóa Kỵ là tư duy quan điểm chú trọng hậu thiên của ta đối với người và sự vật nào đó. Nhất Kỵ là lao (vất vả, lao lực). Mỗi người trên đời này, hoặc nhiều hoặc ít đều phải nỗ lực.

Nhị Kỵ là bệnh, khi xuyên liên các cung liên quan hiện ra 2 Kỵ, biểu thị sự tình xấu đã phát triển đến mức báo động nhưng chưa đến mức ảnh hưởng tới thành bại. Nếu lấy chuyện ốm đau để ví von, khi



này cơ thể đau nhức, khuôn mặt mệt mỏi vô thần, cần phải nghỉ ngơi hồi sức. Nếu lấy tiền tài để luận, đã bắt đầu phải giạt gấu vá vai nhưng chưa đến nỗi đói rách, cần phải thất lưng buộc bụng.

Tam Ky là phá, khi tương quan cung vị xuyên liên hiện ra 3 Ky, biểu thị sự tình xấu đã phát triển đến mức biểu lộ cái xấu hoặc đã có hiện tượng thất bại. Như người bệnh đã cần phải trị liệu, còn tiền tài đã xuất hiện tượng trống rỗng.

Tứ Ky là bại. Khi tương quan cung vị xuyên liên hiện ra 4 Ky, biểu thị sự tình xấu đã phát triển tới mức vô cùng nghiêm trọng. Như người bệnh đã nguy Kỵch tới mức tính mạng ngàn cân treo sợi tóc. Về tiền bạc như người phá sản đã phải chạy trốn tránh bị siết nợ.

b. Mệnh cung hóa Ky huynh đệ cung:

Mệnh cung chủ suy nghĩ, tinh thần, tâm tình phản ứng, cũng là giao hữu Tật ách. Lòng, tinh thần, suy nghĩ chuyên chú ở huynh đệ, ngã nguyện ý vì huynh đệ (còn có nghĩa là chi tiêu của gia đình) nỗ lực. Ky suy lý Tượng nghĩa: Liễm tàng, chấp nhất, nỗ lực. Ky thái độ là chuyên chú, dễ dẫn phát (Tham, sân, si, nghi, mạn) ngũ độc. Luận huynh đệ quan hệ, ta dễ là con trưởng, ta sẽ chủ động chiếu cố các huynh đệ. Duyên phận có dày hay không cần xem xuyên liên Lộc và xuyên liên Ky để đoán định. Đơn Ky mà nói là một loại chấp nhất, từ phía huynh đệ mà nói là bị chiếu cố. Ta để tâm vào thành tựu sự nghiệp của ta, ta nguyện vì thành tựu sự nghiệp mà nỗ lực, ta chính là một mẫu chuyên gia, công việc ta làm thường ta phải tự giải quyết lấy. Ta sẵn sàng làm thêm giờ, làm thêm chức vụ để gây dựng sự nghiệp. Ky nhập Điền Tật Bào tức thu tàng tam phương, có thể nói là người ưa an tĩnh thủ thường, ít ham thích hoạt động xã giao. Ta để ý tới sức khỏe mạnh yếu. Tuy nhiên khác với trường hợp hóa Khoa thường xuyên giữ được cân bằng, dưới quan điểm Hóa Ky mà nói có bệnh mới cuống cuống chạy chữa và điều chỉnh.

c. Mệnh cung hóa Ky nhập phu thê cung:

Phu thê cung chủ phối ngẫu đích tình duyên, tình duyên cả đời với người khác phái, là cung phúc đức của tài bạch, gia vận (điền trạch Tật ách). Mệnh cung hóa Ky nhập phu thê, ta để ý phu thê, ta nguyện vì phu thê nỗ lực. Ta hơi có chấp tình cảm với người phối ngẫu, có phối ngẫu sẽ rất yêu phối ngẫu, chiếu cố có phối ngẫu, cung chiều phối ngẫu, không có phối ngẫu thì rất muốn có, cho nên dễ kết hôn trước mà lập nghiệp sau. Dễ để chuyện tình cảm ảnh hưởng đến công việc. Dễ có gia vận bất hưng khi xuyên liên 3 Ky trở lên.

d. Mệnh cung hóa Ky nhập tử nữ cung:

Mệnh cung hóa Ky nhập tử nữ cung, ta để ý tử nữ ta nguyện ý vì tử nữ mà nỗ lực. Ta cung chiều con cái, ta dụng tâm giáo dục con cái. Ta có để ý dụng tâm giao tiếp, nhưng giao tiếp cũng thành công. Không điều độ sức khỏe, sinh hoạt thiếu điều độ. Nếu là Liễm Trinh, Tham Lang xuyên liên nhiều Ky, dễ lụy vào tình dục.

e. Mệnh cung hóa Ky nhập Tài Bạch cung:



Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tài Bạch, ta để ý Tài Bạch, ta vì kiếm tiền mà nỗ lực ra sức. Ta yêu tiền, ta sẽ cố gắng kiếm tiền, hoặc khổ cực kiếm tiền, ta hay so đo tính toán.

f. Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tật ách cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tật ách, ta để ý chăm sóc cơ thể ta. Ta nguyện ra sức làm việc, ta chủ động tìm việc làm. Sinh niên Hóa Kỵ là nợ, cho nên công việc tự tìm tới ta làm ta lao lực bận rộn. Nơi công tác tương đối nhỏ hẹp.

g. Mệnh cung hóa Kỵ nhập thiên di cung: (Kỵ xuất)

Thiên di cung chủ xã hội gặp gỡ, năng lực xử thế ứng đối, dịch mã. Mệnh cung hóa Kỵ nhập thiên di là Kỵ xuất. Vốn mệnh cung hóa Kỵ nhập cung nào đó thì ta có quan điểm cố chấp ở cung đó, Kỵ xuất trái lại không chủ chấp nhất, mà ngược lại là bừa bãi. Cho nên ra ngoài không giới lấy lòng, xử thế với cá tính ngay thẳng, cũng không chịu chau chuốt ăn mặc bề ngoài. Thiên di là xã hội, hóa Kỵ chủ thu liễm, bởi vậy giao tiếp xã hội rất kém, ra ngoài không gặp quý nhân, xuất ngoại thường có trở ngại, trời không chiều lòng người. Xử thế ứng đối ngay thẳng bộc trực, dễ làm mất lòng người khác.

h. Mệnh cung hóa Kỵ nhập giao hữu cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập giao hữu, làm ta quan tâm để ý bạn bè, ta là người trọng nghĩa khí, sẵn sàng vì bạn bè mà nỗ lực. Ta là người sẵn sàng vung tiền cho bằng hữu (xung huynh đệ khó vị). Giao hữu tọa sinh niên Kỵ, ta mắc nợ giao hữu, thường bị liên lụy vì bằng hữu. Năng lực cạnh tranh của ta kém. Phải phó thác phụ thuộc vào người ngoài.

i. Mệnh cung hóa Kỵ nhập sự nghiệp cung:

Sự nghiệp cung chủ trạng thái làm việc, kiếm tiền hành nghiệp, vận khí vị. Mệnh cung hóa Kỵ nhập sự nghiệp, ta để ý sự nghiệp, nguyện vì sự nghiệp và nỗ lực. Cho nên ta thường là chuyên gia chuyên chú sự nghiệp mà làm ảnh hưởng tình cảm vợ chồng. (xung phu thê)

j. Mệnh cung hóa Kỵ nhập điền trạch cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập điền trạch, làm ta để ý điền trạch và ta nguyện vì điền trạch mà nỗ lực. Biểu thị ta là mẫu người của gia đình lấy gia đình làm trọng. Ta dễ là con trưởng. Điền trạch tọa sinh niên Kỵ, gia đình là trách nhiệm của ta, ta dễ là con trưởng, ta phải nỗ lực vì gia đình. Gia đình tình cảm bấp bênh. Gia đình kinh tế không dư dả. Hoàn cảnh sinh hoạt không tốt, cản cản thiện ánh sáng và thông gió cho ngôi nhà (Hóa Kỵ tượng là bế khí và tối).

k. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phúc đức cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập phúc đức, làm ta để ý phúc đức, ta nguyện vì phúc đức mà nỗ lực. Cho nên ta ham hưởng thụ tinh thần mà cam lòng tiêu phí tiền bạc. Phúc đức tọa Kỵ thường lo phiền. Ta hay nghi ngờ xoi mói, cho nên không thể thoải mái tinh thần tùy duyên tự tại.



1. Mệnh cung hóa Ky nhập phụ mẫu cung: (Ky xuất)

Mệnh cung hóa Ky nhập phụ mẫu, cho ta để ý phụ mẫu, ta nguyện vì phụ mẫu mà nỗ lực. Ta là người con hiếu thuận. Ta thích đọc sách nhưng là sách chuyên ngành hẹp hoặc sách chuyên sâu vào một vài lĩnh vực hẹp mà ta quan tâm. Nếu như là giao dịch tài chính cùng người khác thì dễ bị thiệt thòi. Ngã cung Ky nhập tha cung tất nhiên là mất. Phải cẩn thận xử lý công văn khế ước (phụ mẫu chủ công văn). Tham gia tín dụng dễ bị bẽ mặt, bốc bát họ bị bẽ mặt. Dễ nghiêm túc thái quá, mặt không có biểu cảm (phụ mẫu là sắc mặt, Tật ách thiên di).

Phàm bát luận cung nào hóa Ky nhập mệnh cung, Tật ách, phúc đức đều là tìm đến ta đòi nợ. Cung nào đó hóa Ky nhập Tật ách: Cung đó làm cho ta phải bận rộn, sự việc tới bất ta phải giải quyết, ta phải làm, bởi vì đó chính là một phần trách nhiệm, nghĩa vụ, ta bất kể như thế nào cũng không thể thoái thác, Ky nhập tật thuộc về lao lực. Cung nào đó hóa Ky nhập mệnh cung: Cung đó làm cho ta phải quan tâm hay bận tâm, cho dù ta không thèm nghĩ tới nó nữa, nó cũng sẽ chủ động xuất hiện trong lòng ta hoặc trong đầu ta, làm cho ta thủy chung ghi nhớ không nguôi, ta phải nghĩ biện pháp giải quyết nó, bởi vì nó là trách nhiệm của ta, cũng là nghĩa vụ của ta. Ky nhập mệnh thuộc về lao tâm. Cung nào đó hóa Ky nhập phúc đức: Cung đó làm cho ta phải than phiền, Tật ách là thân, mệnh cung là tâm, phúc đức linh. Linh là một loại bản tính, còn gọi là Tiên Thiên chi phúc cùng Hậu Thiên chi đức. Thân, tâm, linh sự không tách rời, đều là phản ứng tâm tình. Mà linh cùng tâm phản ứng rất khó nhận, thầy Trương Thế Hiền hay dùng một chữ để hình dung, đó là chữ phiền, phúc đức thuộc về cấp độ tâm linh, có thể nói là giống tâm, nhưng ở mức độ cao hơn. Cho nên dù ta không muốn nghĩ tới nó nữa, nó cũng sẽ chủ động xuất hiện ở trước mắt ta hoặc trong đầu ta, làm cho ta có nhiều phiền não, ta phải nghĩ biện pháp giải quyết nó, bởi vì nó là trách nhiệm của ta, cũng là nghĩa vụ của ta. Thuộc về làm phiền.

7. Tự hóa

Khái quát về tự hoá: Tự hoá có tính phản ứng, tức thời và thường không ổn định. Khi có tự hoá trong tam hợp mệnh tài quan, mệnh chủ thường trải nghiệm nhiều biến động. Vì vậy mệnh cách này thường không hợp kinh thương. Nếu tam hợp điền tậ bào có tự hoá, mệnh chủ với gia đình duyên phận không tốt, không có hỗ trợ từ gia đình. Thu nhập không ổn định. Tự hoá nói chung không nên xuất hiện ở các cung lục thân, đặc biệt ở cung Phu thê trong đa số trường hợp

Tự Hóa Lộc (phiên bản nội bộ)

Tự Hóa Quyền (phiên bản nội bộ)

Tự Hóa Khoa (phiên bản nội bộ)

Tự Hóa Ky (phiên bản nội bộ)



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Chuyên luận tứ hóa-Lương Nhược Du

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Thập nhị cung Lục thất nhị tượng-Lương Nhược Du

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Đạo tàng phi bí-Lương Nhược Du

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Chu sư Thủ pháp Sinh mệnh Giải mã-Lương Nhược Du

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Thuyết mệnh-Lương Nhược Du

Phi tinh Tử vi Đẩu số Độc môn Tâm pháp-Cơ sở La tập Tâm pháp-Trương Thế Hiền

